

71- THẦN THÔNG KHÔNG CHỒNG ĐƯỢC NGHIỆP LỰC

Trong số 16 vị đệ tử công hành siêu việt của Đức Phật, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai nhân vật xuất sắc nổi bật nhất. Nói đến trí huệ của Xá Lợi Phất và thần thông của Mục Kiền Liên, thì ai ai cũng đều phải công nhận rằng không có vị đệ tử nào khác có thể so sánh được với hai ngài, chính Đức Phật cũng thường hay khen ngợi những thành tựu thù thắng ấy của hai ngài.

Hai ngài là bạn thân với nhau từ lâu, thường hay cùng nhau đi lại trong những cảnh giới cõi trời, cõi người và cả địa ngục hay súc sinh, vận dụng thần thông và trí huệ để giải cứu những người đang gặp khổ nạn và giáo hóa những chúng sinh ngu si.

Có một hôm, hai vị đi tới địa ngục vô gián, nhiệt độ trong ngục rất cao giống như một lò than hồng, ngọn lửa bốc lên phừng phực, hơi nóng từ vạc dầu sôi tỏa ra không ngừng, bao phủ cả địa ngục. Những người chịu tội hình thì kêu la than khóc, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên bèn rưới nước mưa pháp thanh tịnh cho họ, khiến những thống khổ của họ tạm dừng được trong chốc lát.

Lúc ấy có một tội nhân rất dễ sợ, thân hình to lớn kịch cỡm, còn cái lưỡi thì vừa rộng vừa dài, bên trên có 500 lưỡi cày bằng sắt cày lên trên ấy như cày trên một thửa ruộng hoàn toàn hoang dã, khiến máu tươi từ lưỡi nhỏ xuống từng giọt, từng giọt. Người tội nhân này thấy Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên thì mừng rỡ như bắt được báu vật, vội vàng chạy đến cầu khẩn:

- Bạch hai vị tôn giả, con tên là Bộ Lợi Nã, lúc còn sống con là nhà truyền bá tà giáo, chuyên môn thuyết tà pháp và phỉ báng Tam Bảo, nên hôm nay phải chịu khổ báo này. Giả như hai vị có đi Nam Thiệm Bộ Châu, xin nói với môn đồ của con đừng lễ bái cái tháp gỗ nơi họ thờ phụng con nữa, điều đó làm cho tội báo của con ngày thêm nặng nề, đồng thời nói với họ đừng phỉ báng Tam Bảo, đừng lấy tà giáo mà lừa gạt chúng sinh nữa, để họ đừng dẫm theo bước chân của con mà đọa lạc xuống nơi này.

Hai vị tôn giả ra khỏi địa ngục vô gián, và trở về thành Vương Xá, trên đường về thì gặp một nhóm ngoại đạo, trên tay người nào cũng cầm võ khí như cây, gậy gộc v.v... Những người này chuyên môn chặn đường những người xuất gia đi ngang qua đây và còn nhục mạ, đánh đuổi họ nữa.

Xá Lợi Phất đi trước, thấy họ vung gậy lên toan đánh, bèn dùng lời hòa nhã để ngăn họ, thì những ngoại đạo ấy tuy ngừng tay lại nhưng vẫn dùng tia mắt hung dữ nhìn tôn giả đi qua. Nhưng đến khi Mục Kiền Liên tiến đến thì họ lại vung võ khí trở lên trở lại.

- Đợi một chút, Mục Kiền Liên đưa tay lên chặn lại, chúng ta vừa từ địa ngục vô gián lên, gặp sự phụ của các người là Bộ Lợi Nã ở trong ấy đang chịu những khổ báo cực kỳ nặng nề, lưỡi ông ấy bị cày bằng cày sắt, máu tươi đầm dề, khổ sở không bút nào tả xiết. Ông ấy nhờ ta chuyển lời đến cho các người, hãy ngừng hủy báng Tam Bảo, không được tuyên thuyết tà pháp, và mong không có ai dẫm lên bước chân của ông ấy, đồng thời đừng lễ bái tháp gỗ nữa, để cho ông được bớt khổ một chút.

Mục Kiền Liên vì lòng tốt mà nói lại cho họ nghe lời của thầy họ, nghĩ rằng điều ấy có thể làm cho họ hối lỗi và giải tỏa những oan khiên giữa đôi bên lúc ấy. Nào ngờ lời chưa dứt, bọn ngoại đạo đã hung bạo ủa tới như một bầy hổ sói bao quanh ngài tấn công:

- Đánh hấn! Hấn dám phỉ báng sự phụ của chúng ta! Đánh hấn! Đánh tên sa môn này đi!

Nào cây, nào gậy tới tấp như mưa rơi lên thân của Mục Kiền Liên, ngài bị đánh đến nổi thương tích đầy người.

Mục Kiền Liên, bậc đệ nhất thần thông, thần lực bất khả tư nghì, đã từng dùng ngón chân ấn lên cung điện của trời Đế Thích làm cung điện này giao động và sụp đổ nữa, vậy thì tại sao ngài lại không đem sức thần thông ấy ra đối phó khi bị ngoại đạo bao vây đánh đập? Lúc ấy chiến thắng một vài ngàn ngoại đạo không phải là dễ dàng như trở bàn tay sao?

Mục Kiền Liên tôn giả dùng thần thông chống đỡ tấm thân đầy thương tích vào thành khất thực, trở về tinh xá dùng cơm, xếp đặt lại y bát gọn gàng xong đến gặp Đức Phật, đi nhiễu xung quanh Thế Tôn lễ bái và thưa:

- Con vừa mới trả xong nợ tội, không lâu nữa Xá Lợi Phất sẽ nhập Niết Bàn, chúng con là hai người bạn thân nhất trong thế giới loài người, con nghĩ mình phải đi theo ngài. Xin Thế Tôn từ bi tha thứ cho đệ tử!

Mục Kiền Liên với tâm cung kính chân thành nhất đi nhiễu xung quanh Đức Phật ba vòng theo chiều tay phải, sau đó ngài trở về quê từ biệt gia đình bạn hữu và độ hóa cho những người có duyên với ngài, rồi lên núi Kỳ Xà Lê tiến nhập Niết Bàn.

Giữa tăng đoàn, Đức Phật kể lại cho chúng đệ tử nghe chuyện "***đánh một thả một***", tức là chuyện kiếp xưa của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên:

Ngày xưa, có hai vị tu đạo một hôm đi qua ngôi làng nọ, thì có một bọn trẻ con ngu si trong làng, thấy hai vị từ xa đi tới, tâm liền loạn động, chúng bàn tính với nhau nên làm khó dễ hai vị ấy như thế nào.

- Chùng nào thì khí hậu mới trở lạnh?

Bọn trẻ du côn kia chắn ngang giữa đường hỏi vị tu đạo đầu tiên mới đi ngang.

- Không kể xuân hạ thu đông, hễ ngày nào có gió có mưa thì cảm thấy lạnh.

Vị tu đạo cười đáp. Bọn trẻ nhường cho vị này đi qua đường nhưng lại vội vã chặn đường trở lại, cản không cho vị tu đạo thứ hai đi tiếp và lại hỏi:

- Bao giờ trời trở lạnh?

- Mùa đông thời tiết lạnh lẽo, mặt trời mặt trăng cùng tinh tú xoay chuyển là điều tự nhiên, xuân hạ thu đông bốn mùa, đến mùa đông thì lạnh, đó là định luật tự nhiên của trời đất, ai ai cũng biết điều đó, chỉ có đờn ngu mới không biết.

Bọn trẻ nghe thế, nhặt đá dưới đất và thi nhau ném vào người vị tu đạo thứ hai. Vị tu đạo thứ nhất chính là Xá Lợi Phất, và vị thứ hai là Mục Kiền Liên. Chuyện xảy ra giống như ngày hôm nay vậy.

Nói tới đây, Đức Phật biết có rất nhiều người, thấy Mục Kiền Liên gặp nạn như thế bèn sinh lòng nghi ngờ đối với thần thông, vì thế Ngài nói tiếp:

- Các ông chớ nên nghi ngờ, diệu dụng của thần thông không phải là một điều hư dối, nhờ thần thông tôn giả có thể lên trên trời, chui xuống lòng đất, biến hóa khôn lường, tự do tự tại không có chướng ngại. Mục Kiền Liên có sức mạnh bất khả tư nghì như thế. Tôn giả cũng không hề mất thần thông của mình, chỉ vì khi nào nghiệp lực hiện tiền thì Mục Kiền Liên biết rằng đã có nợ thì phải trả cho hết. Đến Như Lai còn không đi ngược lại luật nhân quả được, người nào cũng thế, khi nào nghiệp báo tới thời trở quả thì chỉ có cúi đầu mà nhận chịu thôi. Thuận theo nhân quả mới phù hợp với lý tính của chư pháp. Vì thế mọi người nên vui vẻ mà chấp nhận nghiệp báo, đừng nên trốn tránh, cũng không nên oán hận nó. Cũng vì thế, mọi người nên biết rõ rằng nghiệp báo rất đáng sợ mà tinh tiến tu hành, cẩn thận mỗi hành vi của chính mình, dựng một bức tường xung quanh thân khẩu ý mà phòng ngừa. Mục Kiền Liên hiểu rõ giáo pháp của ta một cách chân chính, tôn giả rất giỏi thần thông nhưng không dùng thần thông để che đậy cho tội lỗi của mình.

Mục Kiền Liên bị nạn là một tấm gương sáng, là một bài học rất tốt cho chúng ta chiêm nghiệm.



72- THIÊN QUANG CÔNG CHÚA

Ngày xưa, ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ có một ông vua hiền từ và công minh tên là Ba Tư Nặc.

Vua là một tín đồ Phật giáo thuần thành, rất nhiệt tâm làm việc phước thiện và việc giáo dục, đối nội thì dùng chính sách nhân từ và ôn hoà để trị dân, đối ngoại thì dùng chính sách thân thiện với các nước lân bang vì ông không thích chuyện chiến tranh giết chóc.

Với một ông vua quang minh như thế, trăm họ dĩ nhiên phải hạnh phúc, nhân dân do đó rất thương mến và tôn kính vua.

Vua Ba Tư Nặc sinh được ba cô công chúa, cô thứ nhất vô cùng xấu xí, từ nhỏ bị dấu trong thâm cung, chưa một lần gặp mặt người lạ, sợ bị người ta chê cười. Cô thứ hai tên là Thiên Quang, cô thứ ba tên là Bà Đà. Bà Đà công chúa vô phúc nên từ bé đã phải xa lìa bố mẹ, chỉ còn lại nhị công chúa Thiên Quang là được bố mẹ vô cùng yêu chiều.

Thiên Quang công chúa không những sinh ra xinh đẹp đoan trang, tính tình lại ôn hoà nhã nhặn. Chưa kể thân nàng còn phóng ra một thứ ánh sáng cát tường, cứ chiều tối đến là ánh sáng này tăng lên gấp bội như thể đang giữa ban ngày.

Mọi người thương mến bảo bọc công chúa thì công chúa cũng lấy lòng thương mến nhân từ đối xử lại khiến người ta lại càng thương yêu kính trọng công chúa thêm.

Một hôm, nhà vua nhàn rỗi không có việc gì làm, bèn đưa người nhà ra vườn hoa dạo chơi. Công chúa Thiên Quang đi sát sau lưng vua cha, lúc nào cũng để ý chăm sóc cho cha nên được vua thương yêu thêm. Khi vua cha đặt câu hỏi thì công chúa trả lời trôi chảy, lý lẽ rành mạch đâu đó. Vô tình nhà vua hỏi:

- *Thiên Quang! Phụ vương của con là vua của một nước, được tất cả mọi người tôn kính. Con nhờ vào sức mạnh, uy thế và phúc đức của phụ vương nên cũng được mọi người*

thương yêu tôn trọng, có ai may mắn như con không? Như thế chắc con phải mang ơn phụ vương lắm nhỉ?

Nghe vua cha nói thế, công chúa dùng lời lẽ nhu hoà để trả lời:

- Tâu phụ vương, con được đầu thai vào gia đình vua chúa, làm con gái của phụ vương thì dĩ nhiên con phải kính trọng và hiếu thảo với phụ vương.

Nhưng nếu con được mọi người thương yêu tôn trọng thì đó hoàn toàn là nhờ vào phúc đức con gặt hái được từ những kiếp trước, chứ nếu nói nhờ vào ảnh hưởng của người khác thì không có gì đáng kể.

Nhà vua nghe thế không bằng lòng, tự nghĩ:

- Nhị công chúa xưa nay vốn ôn hòa mềm mỏng, chưa bao giờ tỏ thái độ ngỗ nghịch với ta, tại sao hôm nay lại dám lớn giọng khoe khoang tự cho là mình có phúc báo, có phải là vận hạn may mắn của nó đã hết và nó sắp phải chịu khổ báo?

Nhà vua nghiêm sắc mặt, nói với Thiện Quang công chúa với một vẻ không vui:

- Nếu con nói con đã tự có phúc báo thì bây giờ ta sẽ thử nghiệm xem phúc báo của con rốt cuộc lớn nhỏ tới mức nào?

Vua Ba Tư Nặc lập tức gọi một người hầu cận tâm phúc, bảo người ấy phải làm sao mà trong vòng mấy ngày bí mật tìm cho ra một anh chàng thanh niên tuấn tú nhưng không có cơm ăn, không có nhà ở, sống bằng nghề ăn xin quanh quẩn trong hay ngoài hoàng thành, và dặn người ấy tuyệt đối không được tiết lộ việc này ra ngoài.

Ba ngày sau, người hầu cận đưa về một người thanh niên hành khất, bảo đứng chờ ở vườn sau. Nhà vua nghe tâu, liền đổi thường phục ra vườn sau gặp người thanh niên đang đứng ở dưới ngọn giả sơn. Thấy mặt người thanh niên ông rất vừa ý, bảo người này rằng:

- Ta thấy ngươi còn trẻ tuổi, hẳn là chưa có vợ. Nếu ngươi bằng lòng, ta sẽ tặng cho ngươi một mỹ nhân, cho ngươi đưa về lập tức!

Trong đời người hành khất, đến trong mơ còn không dám mơ tưởng đến một sự việc như thế, vui mừng quá mà quên thân phận không nhà không cửa của mình, gật đầu trả lời nhà vua:

- Ý vua là ý trời, tiểu nhân đâu dám không tuân!

Vua Ba Tư Nặc lập tức gọi công chúa Thiện Quang ra bảo rằng:

- Con nói tự con đã sẵn có phúc báo, ta muốn thử nghiệm xem phúc báo của con bao to? Nay ta gả con cho anh thanh niên nghèo khổ khốn cùng này, con phải đi theo anh ấy ngay!

Công chúa Thiện Quang không chút trách hờn vua cha, cũng chẳng bận tâm đến tương lai của mình sẽ phải lấy gì mà sống. Nàng liền đi thay bộ quần áo xa hoa sang trọng đổi lấy một bộ y phục bằng vải thô, lạy phụ vương cáo biệt rồi cùng người hành khất đi ra ngoài bằng cửa sau của vườn hoa.

Thiện Quang công chúa không buồn mà cũng chẳng lo, đi được một đoạn đường, nàng hỏi người hành khất:

- Phu quân, nhà chàng ở đâu? Cách đây còn xa không? Có chỗ để nướng nấu không?

Người hành khất xấu hổ trả lời:

- Khi tôi mới sinh ra đời thì trong nhà rất có tiền, gia sản khổng lồ. Nhưng không lâu sau cha tôi thôi làm quan, ở nhà ăn không ngồi rồi mãi thì núi cũng phải lở, chỉ một vài năm sau là đời sống trở nên rất khó khăn. Chưa kể cha mẹ tôi tuổi đã già, vì quá ưu tư mà lâm bệnh nặng, theo nhau mà qua đời. Còn lại tôi tuổi nhỏ không biết làm gì để sống, cứ thế mà lâu ngày nhà cửa hư nát, chỉ còn duy nhất một khu vườn lớn không có ai trông coi. Công chúa, khu vườn này cách đây không xa.

Công chúa nghe thế rất vui mừng, nói rằng:

- Nếu thế thì quá tốt, chúng ta đến đó xem xét rồi tính sau.

Đến thì thấy một căn nhà hư cũ, phần lớn đã bị đổ nát, cỏ hoang mọc đầy mặt đất. Hai người đi một vòng quan sát, công chúa Thiện Quang mới khám phá rằng những ngọn cỏ hoang ấy chính thật là cỏ thom, tức là một loại cỏ thuốc có tác dụng trị bệnh. Công chúa lại càng vui mừng hơn.

Trong một góc khác của khu vườn bỏ hoang, trên mặt đất không có ngọn cỏ dại nào, chỉ thấy toàn là đá vụn chông chát thành những đống nhỏ. Công chúa lấy làm lạ, bèn tiến đến phía trước gạt đá vụn xem ở phía dưới có gì, thì khám phá trên mặt đất có một khối đá rất đẹp đẽ. Công chúa có linh tính là khối đá này không tầm thường, nên nhờ ông chồng hành khất xô khối đá sang một bên. Thật là không ngờ, ngay ở dưới khối đá có chôn một kho tàng toàn là vàng bạc, trân châu quý giá. Người hành khất chưa bao giờ từng thấy nhiều vàng bạc như thế, mừng quýnh cả lên!

Để tránh sự dòm ngó của người khác, hai người lén dấu kho tàng. Trước hết họ cất lên một chỗ cư ngụ tạm thời, rồi mượn thật nhiều thợ thuyền, nào thợ mộc nào thợ nề, xong tự tay công chúa vẽ đồ hình để những người này xây một căn nhà huy hoàng tráng lệ.

Không bao lâu sau, ngôi dinh thự của phò mã đã xây xong, đẹp đẽ không khác gì một cung điện nguy nga khiến người người xa gần đều tấm tắc khen ngợi.

Khi nhà vua nghe tin này, ông rất lấy làm lạ. Ông dự liệu công chúa sau này phải sống một cuộc sống rất cực khổ, thì làm sao mà chưa bao lâu đã có một ngôi dinh thự để ở, mà ngôi dinh thự này lại còn có phần huy hoàng hơn cung điện của vua?

Không lẽ Thiện Quang thật sự có phúc báo to lớn đến dường ấy? Nếu thế thì phúc báo này từ đâu mà có?

Nghĩ thế rồi, nhà vua đến thỉnh giáo bậc đại giác Thế Tôn xin được khai thị.

Đức Phật từ bi thuyết giải rõ ràng nhân duyên phúc báo trong kiếp trước của công chúa Thiện Quang cho vua nghe.

- Trong quá khứ có một ông vua hiền từ tài giỏi, tên gọi là Bàn Đầu. Hoàng hậu là một người thích làm việc từ thiện bố thí, tôn kính Tam Bảo. Lúc đó chính là lúc Tỳ Bà Thi Như Lai ứng hiện nơi đời để độ hóa chúng sinh. Khi đức Như Lai thị hiện tịch diệt Niết

Bàn rồi, hoàng hậu nhớ tưởng ơn Phật, mới kêu thợ điêu khắc đến hoàng cung tạo lên một bức tượng Phật, rồi còn lấy bảo vật trên châu quý giá nhất đặt lên đỉnh đầu tôn tượng. Hoàng hậu rất sùng kính tôn tượng và nguyện cúng dường tất cả cho Tỳ Bà Sa Như Lai, vì thế công đức của bà phải nói là không thể nghĩ bàn được. Về sau, có một lần bà lễ Phật xong phát nguyện rằng: "Nguyện trong tương lai đời đời kiếp kiếp, tôi sẽ sinh vào gia đình phú quý và thân tôi thường có ánh sáng và hương thơm".

Đến thời Ca Diếp Như Lai ứng hiện tại thế để độ hóa chúng sinh, hoàng hậu cũng sinh ra trong một gia đình giàu có. Bà chuyên cần làm việc bố thí, cúng dường Đức Phật và chư tăng, không bao giờ lần tiếc bất cứ một thứ gì.

Có một hôm, bà muốn thỉnh Đức Phật và đệ tử của Ngài đến nhà cho bà cúng dường, nhưng chồng bà keo kiệt, thấy việc bố thí quá tốn kém. Chỉ mình bà mới biết rõ công đức vô lượng của việc bố thí.

Nếu ngay từ đầu bà không bố thí thì kiếp này bà không thể nào có được một cuộc đời phú quý đến như thế. Có rất nhiều chúng sinh nghèo nàn khổ sở cũng chỉ vì đã có một niệm keo kiệt bủn xỉn trong quá khứ.

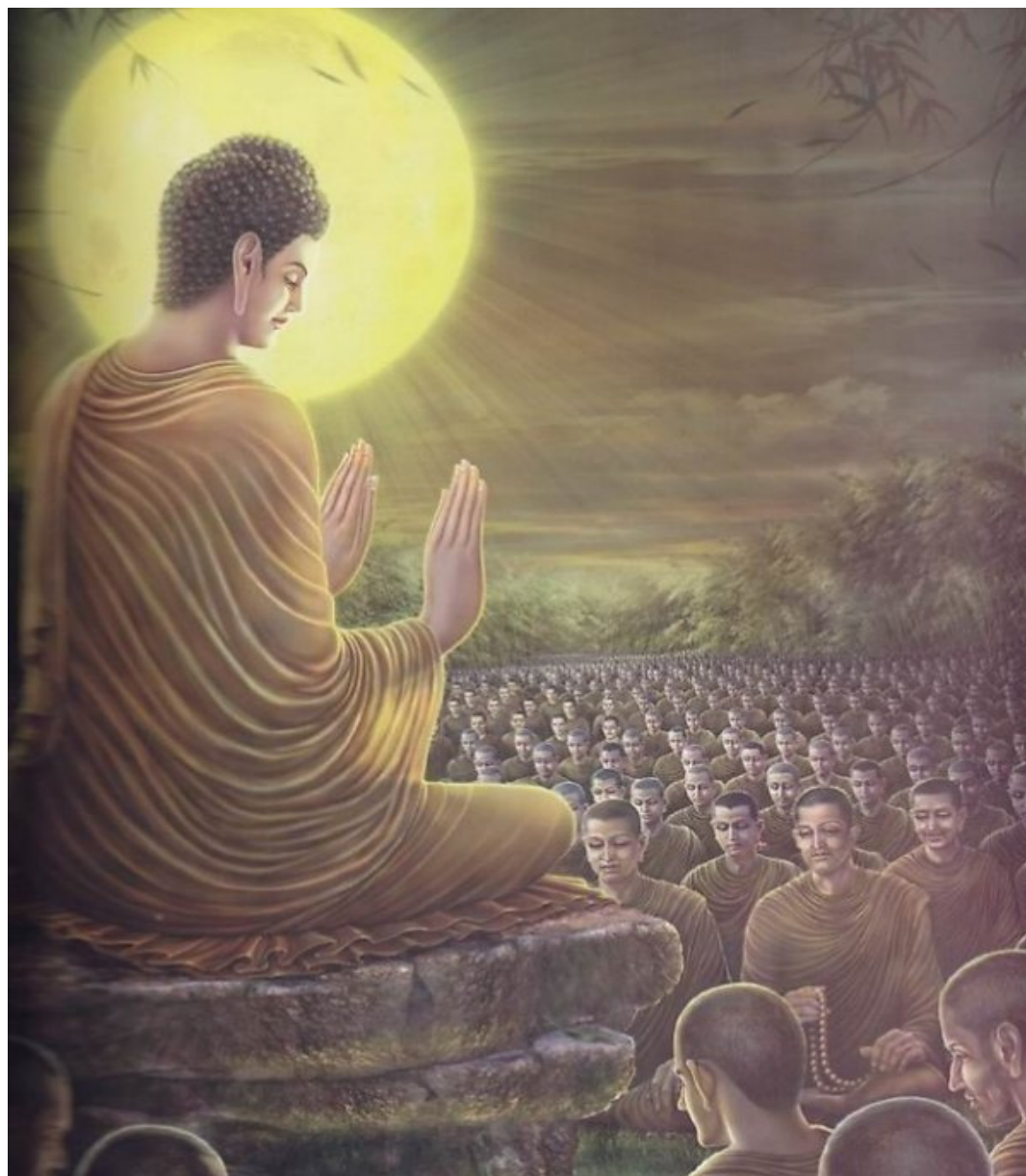
Bố thí không có nghĩa là nhất định phải đem hết tài sản ra cho, có khi chỉ cần thấy người khác bố thí mà sinh tâm hoan hỷ, thì không những được ích lợi lớn mà còn tiêu diệt được tội chướng.

Bà thường thường đem ích lợi của sự bố thí ra giảng giải cho chồng nghe, từ từ sửa đổi được cách nhìn sai lầm của chồng. Sau đó hai vợ chồng đều đồng tâm đồng lòng làm việc bố thí cúng dường.

Người đàn bà thiện lành lúc ấy chính là Thiện Quang công chúa hôm nay, và người chồng đã khởi niệm keo kiệt nợ không ai khác hơn là anh chàng thanh niên hành khát vậy. Anh này chỉ vì một niệm sai lầm mà phải nửa đời nghèo khổ, sống đời ăn xin.

Đại vương! Đạo lý nhân quả thiện ác y như hình với bóng không sai chạy một mảy may nào. Cày bừa một thì thu hoạch mười, đó là một đạo lý cố định.

Vua Ba Tư Nặc được Đức Phật khai thị như thế rồi, lòng tin đối với việc báo ứng thiện ác sinh khởi, ông hoan hỷ lễ Phật rồi lui đi.



73- THỜI VÀ VẬN

Tại Ấn Độ ngày xưa, vua nước Ba La Nại tên là Phạm Đạt Ma. Một hôm, vua và quần thần lên núi thẳm rừng sâu săn bắn, đến chiều tối thì trú đêm trong một căn lều cỏ dưới một ngọn cây cao. Sau một ngày chạy bỏ hơi tai, vua Phạm Đạt Ma mệt mỏi nên vừa đặt lưng xuống là ngủ say như chết.

Lúc ấy, trong ngoài tĩnh mịch, cái yên tĩnh của ban đêm như có cái gì rờn rợn. Bỗng nhiên xa xa có tiếng gọi:

- *Bệ hạ! Bệ hạ! Vua Phạm Đạt Ma!*

Vua Phạm Đạt Ma đang ngủ say bị tiếng gọi ấy đánh thức dậy thình lình, ông mở to hai mắt nghiêng tai lắng nghe.

- *Bệ hạ! Bệ hạ! Bệ hạ!*

Trong đêm đen, ai là người gọi nhà vua? Vua Phạm Đạt Ma cho rằng thần kinh của mình quá ư nhạy cảm nên không thềm tìm hiểu gì thêm, nhắm mắt ngủ tiếp. Ngày hôm sau, đoàn người lại tiếp tục săn bắn, cho đến khi mặt trời ngả về tây họ mới mệt mỏi kéo nhau về. Suốt một ngày săn bắn hào hứng, nhà vua đã quên khuấy tiếng gọi trong đêm vừa qua. Đêm hôm ấy, y như đêm trước, ông lại ngủ rất say. Đến nửa đêm, tiếng gọi quái dị lại vang lên:

- *Bệ hạ! Bệ hạ! Bệ hạ!*

Nhà vua lại bị tiếng gọi đánh thức, hơi cảm thấy bực bội nhưng đồng thời cũng lấy làm lạ, làm sao mà hai đêm liền lại có người gọi mình như thế? Vua sai cận vệ ra ngoài nhìn xem là ai, nhưng không hề có bóng dáng của một người lạ nào.

Qua đêm thứ ba, sự thể lại diễn ra như trước. Lần này vua bắt đầu cảm thấy sợ, ông không còn hứng thú gì trong việc săn bắn nữa, tuy đó là thú vui mà ông ưa thích nhất từ

trước đến nay Trời vừa hùng sáng, vua không dám nấn ná lại chỗ ấy, truyền lệnh cho quần thần trong vòng một giờ phải nhổ trại và thu dọn tất cả để tức khắc hồi cung.

Về tới hoàng cung, vua vẫn còn phiền não vì chuyện này nên triệu tập đông đủ các đại thần trong triều để cùng nhau thảo luận. Mọi người đoán rằng chắc chắn đây là yêu ma quỷ mị tác quái, và phải tìm cách trừ khử ma quỷ ngay. Nhưng khi nói đến ma quỷ thì ai cũng run sợ, văn võ đại thần tướng sĩ trong triều chẳng ai dám đảm nhận trọng trách một mình vào chôn rùng sâu quyết đấu với quỷ.

Cuối cùng, chỉ còn cách là dán yết thị, chiêu mộ người can đảm dũng lược và có sức mạnh đi bắt quỷ.

Bảng yết thị nói rằng người nào trừ được quỷ thì sẽ được thưởng 500 lượng vàng. Yết thị dán lên chưa được bao lâu thì có một người nghèo khổ cùng đinh nhưng lại rất gan dạ xin trình diện đi trừ quỷ để lãnh thưởng. Vua thấy người này thân thể cường tráng, rất lấy làm vừa ý, bèn đem đầu đuôi câu chuyện kể cho người này nghe. Trời vừa chạng vạng tối, người cùng đinh này lên đường.

Màn đêm từ từ buông xuống, người này vào trong tận rừng sâu ngồi yên chờ đợi. Từng phút, từng phút chậm chậm trôi qua. Đến khoảng nửa đêm, tiếng gọi quái dị nọ lại vang lên :

- Bệ hạ! Bệ hạ! Bệ hạ!

Người cùng đinh nhắm hướng tiếng gọi vọng lại mà tiến tới, khám phá ra tiếng gọi này từ trong một hang động vọng ra. Ông đứng trước hang động, lớn tiếng gọi vào:

- Ê! Mi là người hay là quỷ? Mau ra đây! Nếu không ta sẽ lấy dao bén đâm chết mi!

Thật lạ lùng, ông vừa nói xong thì trong động lại vọng ra âm thanh trả lời:

- Tôi không phải là quỷ cũng không phải là người. Tôi là kho tàng bị chôn trong hang động này. Thật đáng tiếc, mấy đêm liền tôi gọi nhà vua đến mang tôi về, nhưng vua không thèm màng tới. Anh đến thật đúng lúc, bây giờ toàn thể tài sản này chúng tôi hiến tặng cho anh hết! Chẳng qua tôi có 7 người bạn, và chúng tôi đi đâu cũng muốn đi cùng. Bây giờ tôi

bày cho anh phải làm những gì : ngày mai anh về chùi dọn nhà cửa cho sạch sẽ, xong chuẩn bị sẵn chút sữa bò và chút nước ngọt. Đến trưa, chúng tôi sẽ cải trang thành 8 nhà tu đến nhà anh. Anh đợi chúng tôi ăn uống xong, lấy một cây gậy phang vào đầu người trưởng đoàn của chúng tôi, xong đem ông ấy đặt vào góc nhà, lúc đó kho tàng sẽ về tay anh.

Người cùng đình nghe những lời ấy thì quá đỗi mừng rỡ, vội vàng chạy về nhà. Trời chưa sáng, ông đã lo chùi dọn nhà cửa thật sạch sẽ, xong đến gặp nhà vua, ba hoa khoác lác bịa ra một câu chuyện. Nhà vua không chút nghi ngờ, sai đem 500 lượng vàng ra thưởng cho ông. Ông vui mừng trở về nhà sửa soạn cơm nước và sữa, rồi còn gọi một người thợ hớt tóc về nhà hớt tóc thơm tươm tất. Thời gian quá cấp bách nên ông vừa hớt tóc xong thì có 8 nhà tu đã đến trước cửa. Ông lễ độ mời họ vào nhà ngồi, xong đem các thứ đã chuẩn bị sẵn ra khoản đãi họ. Xong, như đã đồng ý với nhau trước, ông đem tới một cây gậy và nhắm đầu nhà tu trưởng đoàn phang vào một cái thật mạnh. Thật là quái lạ, ông vừa mới phang xuống, tám ông thầy tu bỗng biến thành tám cái bình bằng vàng sáng choang, óng ánh. Ông mừng quýnh mừng quáng, bây giờ ông không còn là một anh chàng cùng đình nữa mà đã trở thành một ông nhà giàu.

Nhưng mọi sự đã bị người khác thấy rõ ngọn nguồn: người thợ hớt tóc ban nãy, chưa kịp đi thì khách đã đến nên đành phải trốn trong một căn phòng khác nhìn trộm.

Ông này vừa kinh ngạc vừa khoái chí, lòng tham nẩy sinh, tuy không biết ắt giáp gì những cũng muốn bắt chước theo điều mình mới nhìn thấy để phát tài:

- Ta cũng có thể làm giàu bằng kiểu này vậy!

Ông về nhà, một mặt nhờ người đi kiếm 8 ông thầy tu mời về, một mặt dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, mua thật nhiều thức ăn ngon lành dọn sẵn. 8 ông thầy tu tới rồi, ông chân thành mời họ vào cỗ, đợi cho họ ăn no rồi mới bắt chước anh chàng cùng đình kia, vác gậy ra phang lên đầu một trong 8 ông thầy tu.

Nhưng thật là luống công, vì 8 ông thầy tu chẳng những đã không biến thành 8 cái bình vàng, mà người bị đánh thì bể đầu chảy máu kêu la bài hải, vì thế người ngoài đường bu đến xem rất đông.

Khi không khi không đi đánh người ta, tội đã rành rành không chối vào đâu được, người thợ hớt tóc lập tức bị bắt giải vào phủ quan chịu tội.

Khi bị quan tòa hỏi tại sao lại đánh người, ông thợ hớt tóc mới đem đầu đuôi ngọn ngành câu chuyện kể lại cho quan nghe. Quan tòa lại mang chuyện này trình tâu lên vua. Nhà vua nổi giận, sai người đến nhà người cùng đình tịch thu hết mấy cái bình vàng, nhưng quái lạ thay, bình vàng mới đặt trước mặt nhà vua đã biến thành những con rắn độc ghê rợn.

Câu chuyện trên đây muốn nói rằng: đáng lẽ ta không có được vật gì, không thể cưỡng nhân duyên cho có. Nếu cưỡng nhân duyên cho có thì chỉ có tổn hại cho ta mà thôi. Cổ nhân có nói "mưu tài hữu đạo". Nếu mưu cầu điều gì mà không đúng pháp thì chẳng khác gì ép cát tìm dầu hay đục băng đá tìm sữa, hoàn toàn phí công vô ích.

Đức Phật có nói: Chỉ có trì giới mới là tài sản chắc chắn nhất, bảo đảm nhất.



74- TÌNH ĐỜI

Thành Vương Xá là một khu đất hình lòng chảo trụ trên núi cao, bốn phía có vườn tược bao quanh, cây cối rậm rạp, khí hậu ôn hòa, ẩm cúng, quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Vua của vương quốc này là A Xà Thế hoàng đế, tin Phật, thương dân, trị quốc đúng cách, rất được lòng người.

Trong vương quốc có nhà một ông đại phú hộ, kho vàng đầy ắp, tiền tài nhiều không ai sánh bằng, nhưng hai vợ chồng cưới nhau đã lâu mà không có được một đứa con nào. Vì thế hai người đi cầu thần linh, coi bói khắp nơi, làm việc thiện, bố thí để cầu xin một đứa con trai. Cuối cùng trời không phụ lòng người, tới một năm kia thì hạ sinh một cậu quý tử trắng trẻo bụ bẫm. Đứa bé này sinh ra thật không giống người thường, không biết kiếp trước đã trồng phước đức gì mà các đầu ngón tay của cậu phóng ra ánh sáng cát tường, sáng như mặt trời mặt trăng. Vì đầu ngón tay của cậu phóng ra ánh sáng có thể làm tan biến được bóng tối, nên cậu được đặt tên là Đăng Chỉ (đèn trên ngón tay).

Không những Đăng Chỉ có ngón tay phóng ra ánh sáng mà tướng mạo cũng thanh tú đẹp đẽ, khiến cha mẹ vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, mời rất nhiều thầy tướng số đến xem tướng cho con. Trong số các vị này có một người tên là Khổ Tu, nhìn tướng của Đăng Chỉ xong nói với ông phú hộ rằng:

- Tôi thấy tướng đứa bé này lớn lên không giống người thường, tương lai chắc chắn sẽ là thánh nhân.

Ông phú hộ nghe thế mừng rỡ không kể xiết, nên lúc Đăng Chỉ đầy tháng, ông lập đàn bố thí rất lớn trong suốt 7 ngày, hai vợ chồng nguyện hồi hướng công đức bố thí ấy cho tương lai con trai được nhiều nhân tốt hơn nữa.

Tin phú ông lập đàn bố thí, chỉ trong vòng một ngày là được loan truyền đi khắp cả nước, ai ai cũng khen ngợi tán thán. Nhà vua nghe được tin này cũng vui mừng không cùng, sai sứ thần đến nhà ông phú hộ bảo muốn Đăng Chỉ vào cung cho vua gặp. Vua đã truyền lệnh ai dám không tuân, phú ông lập tức mang đứa bé mới đầy tháng đi gặp nhà vua

Đường đi rất xa nên khi phú ông đến hoàng thành thì trời đã tối. Khi ông đến trước cửa hoàng cung, bỗng nghe tiếng chiêng trống rầm trời, thì ra trong cung có một buổi tiệc rượu đang được cử hành. Vì thế phú ông đứng ở ngoài rất lâu mà không ai vào thông báo, chẳng vào trong cung được. Đang trù trù do dự, bỗng hài nhi đưa tay lên, từ các đầu ngón tay phát ra ánh sáng chiếu khắp cả cung điện, từ trong ra ngoài chói ngời rạng rỡ. Lúc ấy vua và các đại thần đang ngồi trong bàn rượu, bị luồng ánh sáng chiếu đến chói lòa cả mắt, họ lấy làm kinh dị hỏi người trong cung xem ánh sáng ấy từ đâu chiếu đến? Các quan gác cổng vội vàng chạy ra xem rồi trở vào tâu tặc sự cho vua biết, vua lập tức hạ lệnh cho bỗng đưa bé vào. Thế là phú ông và bà nữ mẫu bỗng Đãng Chi đến trước mặt vua, ánh sáng từ các đầu ngón tay cậu chiếu rọi cả gian phòng, và còn làm cho tất cả mọi người trong phòng cảm thấy ấm áp nữa. Đáng vẻ thanh tú của Đãng Chi đã chiếm được cảm tình của vua, vua tự tay bỗng lấy đứa bé, nhìn nó không ngừng và nghĩ rằng lời thuyết giảng của đức Phật về nhân quả không bao giờ sai lầm. Nếu như đứa bé này không tạo nhân thiện trong kiếp trước thì đời này làm gì có một dung mạo đẹp đẽ như thế, và đầu ngón tay làm gì có thể phát được ánh sáng? Những điểm đặc biệt của Đãng Chi được mọi người tán thán, và vua ban cho phú ông rất nhiều trân bảo trước khi cho phép ông bỗng con về nhà.

Ngày tháng qua mau, Đãng Chi lớn lên và thành người trong sự yêu thương chiều chuộng của cha mẹ. Năm cậu 20 tuổi, cha mẹ cậu chọn cho cậu một thiên kim tiểu thư môn đăng hộ đối và cử hành hôn lễ. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hạnh phúc. Họ sống một cuộc sống phú quý vinh hoa với tiền muôn bạc biển, nô tỳ, tùy tùng, nhà cửa, quần áo, điều chi cũng đầy đủ, cả ngày đắm mình trong hoan lạc, nên quên hẳn những sầu lo của kiếp người. Nhưng thế gian vô thường, biến hóa không ai lường được, có thành thì phải có bại, có niềm vui tụ họp thì cũng có nỗi buồn phân ly, có ngày hôm nay cường thịnh thì cũng có ngày mai suy nhược. Nhưng phần đông con người, lúc sống trong hạnh phúc tuyệt nhiên không hề nghĩ đến chuyện khổ, không, vô thường. Đãng Chi cũng vậy, khi cha mẹ còn sống, tiền của đầy kho, vợ chồng đầm ấm, ngũ dục lạc thú tha hồ tận hưởng thì lo làm gì đến tương lai?

Thế rồi không bao lâu sau, cha mẹ cậu là những người thương yêu cậu nhất, cùng theo nhau mà nhuốm bệnh và qua đời. Từ trước tới nay Đãng Chi chẳng bao giờ biết lo việc nhà, lúc ấy hoàn toàn bó tay, không biết cách nào mà cai quản gia nghiệp. Lại còn

quen thói coi tiền như cỏ rác, rượu chè phóng dật, cho nên tài sản trong nhà từ từ sa sút. Tuy hoàn cảnh ngày càng khó khăn nhưng Đăng Chi không hề lo lắng chút nào.

Một hôm, gặp một ngày lễ lớn vẫn được cử hành hằng năm, có rất nhiều thanh thiếu niên công tử tham gia, thôi thì quần là áo lượt, rượu thịt ê hề, vui đùa thỏa thích. Lần ấy dĩ nhiên Đăng Chi không ra ngoài lễ, cậu cũng gia nhập vào đoàn người náo nhiệt và cũng quay cuồng múa hát ăn chơi không hề kèm chế.

Trong lúc Đăng Chi dự tiệc vui tìm lạc thú, thì ở nhà, vợ cậu bỏ về nhà bố mẹ. Căn nhà thênh thang không ai trông coi, bọn nô tỳ và người làm thấy tài sản thì động lòng tham, mở cửa kho, còn lại bao nhiêu tiền tài bảo vật lấy hết sạch, ngay cả dụng cụ, quần áo trong nhà cũng đem đi luôn, không chừa lại thứ gì. Đến gần tối Đăng Chi trở về nhà thì thấy căn nhà đã trống rỗng, người và vật không còn lại gì cả. Tuy cậu biết chính là bọn nô tài đã cướp đi, nhưng không có cách nào rượt bắt họ lại được, vì trong hoàn cảnh hiện tại của cậu không có một đồng xu sắt bạc, ai là người chịu giúp đỡ cậu đây? Cậu buồn bã thở than mà cũng không ai ngó ngang tới cậu, chính người vợ mà cậu yêu thương nhất cũng chán ghét cậu mà bỏ đi rồi. Đến lúc ấy cậu mới tiếc là tại sao lúc trước mình không là người tốt, không lo cầu học, bây giờ không có một năng khiếu nào hết, mà gia tài cha mẹ đã khổ công tạo lập nay cũng không giữ được. Kho vừa sạch trơn, chỉ còn có bốn vách nhà trơ trọi, cậu một mình một thân không có cơm ăn áo mặc, đói lạnh dầy vò. Mới ngày nào còn là một cậu công tử con nhà phú hộ mà trong nháy mắt đã thành một kẻ ăn mày khốn khổ, Đăng Chi xưa kia vốn tuấn tú bảnh bao, mà khi gặp cảnh nguy nàn rồi thì thân hình cũng biến đổi, ngón tay không còn phát ra ánh sáng nữa.

Đăng Chi luân lạc thành kẻ ăn xin, bạn bè thân hữu không còn ai lai vãng, họ hàng bà con cũng cắt đứt mọi liên hệ với cậu. Gặp cậu, không còn ai tươi cười chào hỏi, ai cũng quay đi hay lánh xa, hoặc xua hoặc đuổi. Hoàn cảnh bi thảm ấy khiến cho Đăng Chi cảm thấy được sự nhạt nhẽo của cuộc sống, nhưng cậu cũng không thể không miễn cưỡng tiếp tục cuộc sống ấy.

Cuối cùng để kiếm ăn, cậu tìm được một việc làm, đó là đi vắc tử thi mướn. Khi con người đến chỗ tuyệt vọng thì đứng trước một việc gì cũng không thiết suy nghĩ gì xa xôi,

Đặng Chi vắc tử thi cho người khác vì đó là một công việc mà chẳng ai muốn làm, và cậu làm việc ấy chẳng qua cũng chỉ vì miếng cơm manh áo mà thôi.

Có một lần, Đặng Chi vắc một tử thi đến một ngôi mộ hoang, tính bỏ tử thi xuống thì lạ thay, tử thi ấy bỗng nhiên ôm cứng lấy cậu. Cậu hết sức bình sinh hất tử thi ra, nhưng tử thi lại càng ôm chặt hơn nữa, không chịu rời tay ra như thể đã bị đóng đinh vào lưng của cậu vậy. Đặng Chi sợ cuống cả người, tự mình không thoát ra được nên chỉ biết chạy đi kiếm người giúp đỡ. Đến thôn Chiên Đà La, cậu la lên cầu cứu, có một vài thanh niên lực lưỡng đến giúp cậu nhưng làm gì thì làm cũng không gỡ tử thi ra được. Lúc ấy có một vài người nhất gan thấy thể chạy ra mắng rủa Đặng Chi tại sao lại đem tử thi vào thôn, và rất nhiều người nhất đá ném cậu. Cậu vừa đau vừa sợ, không biết phải làm cách nào nữa. Bị đuổi ra khỏi thôn rồi, cậu chỉ còn biết chạy càn loạn xạ, cuối cùng chạy đến cổng thành, muốn vào thành nhưng người giữ thành vung gậy lên chặn đường, lớn tiếng xua đuổi:

- Tại sao người ngu si quá vậy, công tử thi vào thành để làm gì, bộ không biết phương hướng hả?

Đặng Chi chưa kịp đáp đã bị đánh một hèo vào chân. Nghĩ tới số phận đau khổ hiện tại của mình, Đặng Chi ngửa mặt lên trời khóc rằng :

- Tôi xưa kia vốn con nhà hào phú, nhà bị cướp lấy hết, đến nỗi tuyệt vọng mà lâm vào hoàn cảnh phải vắc tử thi cho người mà kiếm sống, nào ngờ oan nghiệp theo đuổi, bị tử thi bám chặt như bị đóng đinh vào lưng không chịu buông ra, tôi phải làm sao đây?

Người giữ thành nghe những lời thống thiết của Đặng Chi cũng cảm thấy tội nghiệp, nên để cho cậu đi qua, nhưng có ai muốn thân cận với một người công tử thi kè kè trên lưng xui xẻo như thế? Không còn cách nào nữa, Đặng Chi chỉ còn biết công tử thi về lại nhà cũ của mình. Lạ thay, vừa mới bước vào cổng nhà thì tử thi cũng tự động rơi xuống đất.

Đặng Chi chú ý nhìn kỹ tử thi, thì quái lạ, trong bàn tay nắm lại của cái thây cứng đờ kia có một thứ ánh sáng kim hoàng sáng lạn phát ra. Đặng Chi vui mừng nhấc bàn tay ấy lên xem, lúc đó cậu không còn sợ hãi nữa, thì ra bàn tay ấy nắm một khối vàng không biết từ bao giờ. Đặng Chi không còn để ý đây là một tử thi hay là một cái gì đáng sợ, bèn lấy

một con dao nhỏ gỡ vàng ra, nhưng vừa mới gỡ khối vàng này xuống thì có một khối vàng khác xuất hiện trở lại trong tay tử thi. Cứ thế cậu gỡ thì vàng hiện, hiện rồi lại gỡ, chẳng bao lâu đã có một núi vàng lớn trước mặt. Đấng Chi quá đổi vui mừng, bèn tu sửa lại nhà cửa vườn tược vốn đã bị bỏ hoang từ lâu, nay trở thành huy hoàng tráng lệ, trong kho tiền bạc cũng chất đầy trở lại như núi. Có tiền rồi thì bạn bè họ hàng cũng từ xa chạy đến thăm viếng, cả người vợ bạc tình xưa cũng xin trở về, thật đúng như người xưa dạy "nhà giàu ở trong núi cũng có viễn khách đến, nhà nghèo ngay thành phố cũng không có người thân ở gần". Đấng Chi rất buồn chuyện đời, những đau khổ vừa qua đã làm cho cậu tỉnh ngộ phần nào rằng thế gian là vô thường, tiền tài không thật có nên cậu cũng không còn tham luyến nữa, đem số tiền ấy đi làm việc thiện, cứu giúp người nghèo. Cậu cũng nhìn thấu rõ bản chất của ngũ dục nên xả bỏ tất cả, xuất gia đi theo Đức Phật, tinh tiến tu tập, đắc được quả A La Hán rất mau lẹ.

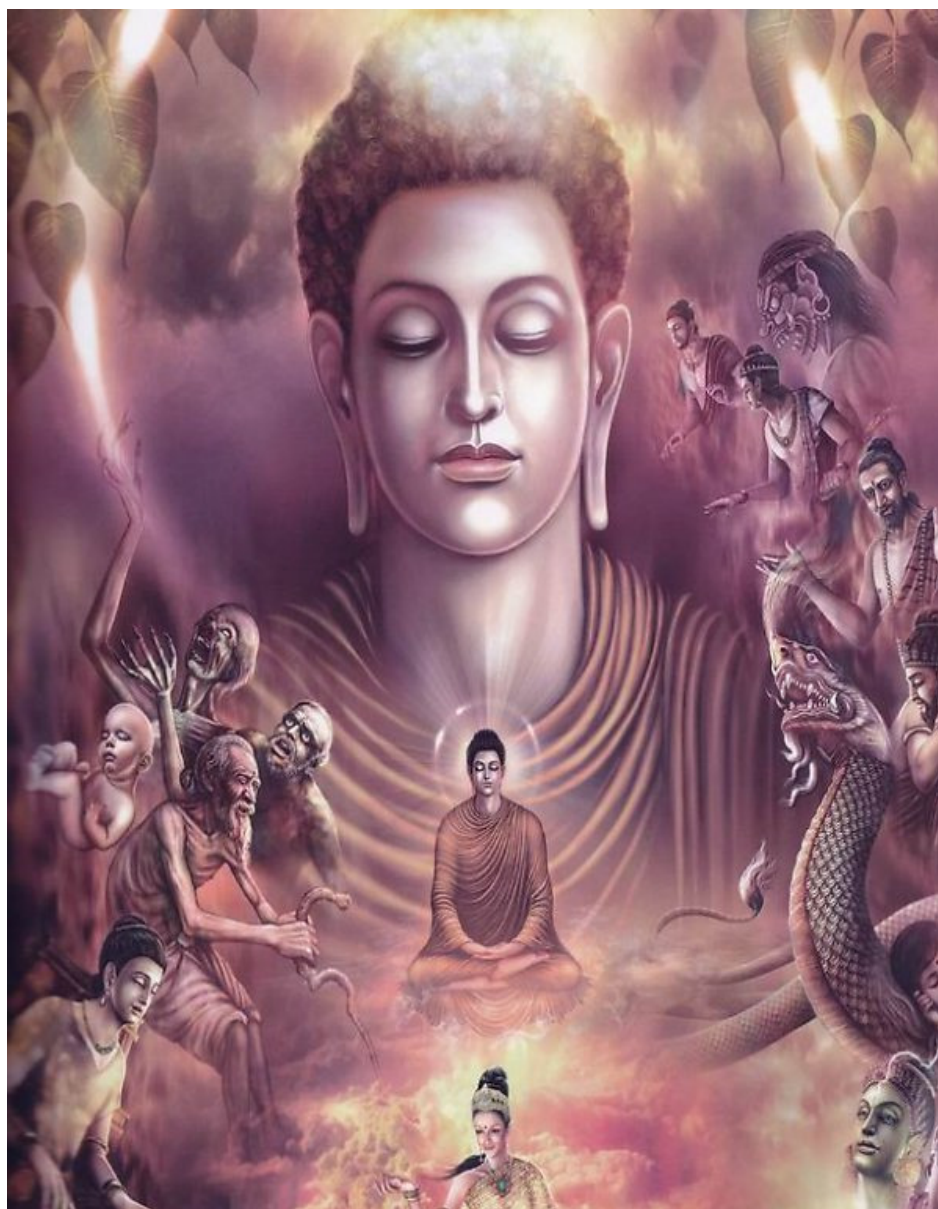
Lúc ấy đầu ngón tay của cậu phát ra ánh sáng trở lại, chỉ có cái tử thi tay có năm vàng ấy là vẫn đi theo cậu, cậu đi đâu tử thi bám theo đó, chỉ khi nào vào nhà mới tự động buông ra.

Mọi người thấy cuộc đời Đấng Chi lạ lùng như thế nên mới tìm đến Đức Phật xin thỉnh giáo.

Nguyên do là ngày xưa, Đấng Chi sinh ở nước Ba La Nại, giàu sang phú quý, nhà lại ở ngay sát một ngôi chùa. Mỗi sáng sớm cậu đều vào điện thờ Tam Bảo mà cung kính lễ bái thánh tượng của Như Lai. Có một hôm cậu thấy một ngón tay của bức tượng bị gãy, bèn phát tâm gắn lại một ngón tay mới có sắc vàng, nhờ công đức ấy nên đời đời sinh ra trong nhà giàu sang. Nhưng tại sao lại có một lúc trong đời lại nghèo khổ như thế? Đó là vì lúc trẻ, được cha mẹ hết mực cưng chiều, ai cũng phải nghe lời cậu nên cậu trở nên kiêu căng, có một lần đi chơi về khuya, cửa nhà đã đóng, cậu kêu cửa thật lâu mẹ cậu mới ra mở cửa. Cậu bèn giận dữ mắng mẹ rằng "*bộ người trong nhà chết hết rồi sao mà gọi cửa cả đêm không ai biết?*" Ác duyên ấy đã làm cho đời nay, Đấng Chi mất cha mẹ rồi thì lưu lạc thành kẻ ăn xin, và phải vác tử thi mượn.

Đức Phật kể nhân duyên này xong, còn nói với đại chúng rằng:

- Thế gian khổ, không, vô thường, không có gì là không hoại diệt. Ta mong mọi người hiểu rõ điều ấy, đừng chỉ sợ khổ báo mà không sợ tạo nhân ác.



75- TÔ TI

Lúc Đức Phật ở nước Ba La Nại ở Ấn Độ, có một vị tỳ kheo bị bệnh, đau bụng thổ tả, nằm lăn lộn trên giường mà rên rỉ. Có một vị Ưu Bà Di tên là Tô Ti đến thăm, ở bên giường bệnh ân cần hỏi:

- *Thưa thầy đau chỗ nào, đã uống thuốc chưa?*

- *Đau bụng, uống thuốc rồi.*

- *Thầy có muốn điều chi không?*

- *Chẳng muốn gì hết, chỉ muốn ăn thịt.*

- *Để con về bảo người nhà mang thịt đến cho thầy dùng.*

Nói xong Tô Ti lập tức trở về nhà sai gia nhân ra chợ mua thịt, nhưng vì sát sinh là một điều quốc cấm ở nước Ba La Nại, nên gia nhân đi khắp cả phố chợ cũng không kiếm ra một miếng thịt, đành tiu nghỉu trở về tay không.

Tô Ti ngồi trong nhà suy nghĩ, nhớ lại lời hứa của mình với vị tỳ kheo bị bệnh, bà không muốn thất hứa mà còn nghĩ rằng nếu vị tỳ kheo kia mà không có thịt ăn thì có thể chết mất không chừng! Một vị tỳ kheo trẻ tuổi như thế mà chết yểu, há không đáng tiếc lắm sao?

Nghĩ đến đây, bà bèn lấy dao thật bén, cẩn rắng chịu đau cắt một miếng thịt đùi của mình, đưa tỳ nữ nấu nướng cẩn thận rồi mới đem đến cho vị tỳ kheo bị bệnh dùng. Lại thay, vị tỳ kheo ăn miếng thịt đùi của Tô Ti xong thì bệnh từ từ thuyên giảm.

Nhưng vết thương của Tô Ti thì càng lúc càng đau nhức kịch liệt, bà chỉ còn có thể nằm trên giường mà rên xiết, không thể nào cử động được.

Khi chồng bà về đến nhà, nghe tin Tô Ti bị bệnh thình lình, vừa nghi ngờ vừa lo sợ, vội vàng chạy vào phòng vợ để hỏi nguyên do Tô Ti không dám dấu giếm, đem sự thật nói hết cho chồng nghe. Người chồng nghe xong, vừa vui vừa kính nể mà nói :

- Tô Ti! Ta vô cùng cảm phục lòng tôn kính sa môn của phu nhân. Do phu nhân có lòng tin vững chắc nên mới có được nhiều nghị lực như thế. Dám bỏ thí thịt đùi của chính bản thân mình là một chuyện khó nhằn mà phu nhân nhẫn được, sức mạnh đó không phải do từ lòng tin kiên cố của phu nhân mà ra sao? Ta tin chắc rằng bệnh của vị tỷ kheo kia nay đã lành nhờ công đức phát tâm của phu nhân.

Khuôn mặt của người chồng trầm ngâm trong giây lát, ông nói tiếp:

- Nhưng vết thương của phu nhân lại đau đớn như thế, điều này thật là không ổn.

Tô Ti yếu ớt trả lời:

- Vâng, vết thương của thiếp càng lúc càng đau đớn, sợ rằng sẽ nguy tới tính mệnh, nhưng thiếp đã không màng tới chuyện sinh tử, đời người căn bản là vô thường, có sinh tất nhiên phải có tử, không ai có thể trốn thoát được cái chết. Tuy nhiên thiếp hy vọng trước khi nhắm mắt có dịp chiêm ngưỡng thánh nhan của Đức Phật, đem thức ăn quý giá nhất mà cúng dường Ngài, nhờ công đức này kiếp sau thiếp sẽ sinh được chỗ tốt.

Người chồng nghe xong nguyện ước của vợ sẵn sàng chấp thuận, một mặt chuẩn bị cúng dường, một mặt sai người đi cung thỉnh Đức Phật đến nhà mình thọ cúng. Đức Phật hoan hỉ nhận lời.

Ngày hôm sau Đức Phật và chư tỷ kheo đắp y, ôm bình bát đến nhà Tô Ti thọ cúng. Ngồi chơi một lúc, Đức Phật hỏi :

- Bà Tô Ti đi đâu rồi, sao không ra đây?

- Bà ấy đang nằm trên giường bệnh, không ngồi dậy ra bái kiến Thế Tôn được, xin Thế Tôn từ bi xá tội.

Đức Phật trang nghiêm trầm tĩnh nói:

- Nhưng ta rất muốn gặp bà ấy.

- Vâng, thế thì để con đi gọi.

Người chồng thừa biết vợ mình không có sức để mà ngồi dậy được, nhưng nhìn vẻ uy nghi từ mẫn của Đức Phật, bất giác ông ngoan ngoãn vâng lời, quay lưng chạy vào phòng Tô Ti hôn hển nói:

- Thế Tôn muốn gặp mặt phu nhân.

- A! Thế Tôn gọi tôi ra à?

Tô Ti nói xong, bỗng có một sức mạnh thần kỳ làm cho bà bỗng nhiên ngồi bật dậy, sự đau đớn trong người bỗng tan biến trong khoảnh khắc, vết thương tuy chưa lành nhưng bà đi đứng lại như thường, hai vợ chồng đều hết sức kinh ngạc. Tô Ti đến trước mặt Phật đánh lễ, Đức Phật nhìn Tô Ti một cách từ bi và dạy rằng:

- Tô Ti! Bà muốn thực hiện cái đức tính tốt đẹp của "giới không vọng ngữ" nên mới bỏ thí thịt đùi của mình, nhưng bà phát tâm một cách đơn giản quá, làm như thế không đúng!

Phàm bố thí, hay học đạo, hay tu hành, phải không được tự làm khổ, không được tự làm đau, không được làm khổ não người khác, có thể mới là làm theo chính đạo, mới thành tựu được.

Giáo huấn giản dị của Đức Phật đi thẳng vào tâm bà, Tô Ti giác ngộ rằng việc tu hành, việc làm công đức, phải nương vào đạo lý của Phật pháp mà làm, và không thể so sánh quả báo to lớn của việc thiện làm theo pháp Phật với việc thiện làm theo pháp thế gian.

Đức Phật trở về, tập họp đại chúng tăng đoàn và hỏi vị tỷ kheo có bệnh:

- Bà Tô Ti có đem thịt đến cho ông không?

- Thưa có.

- Mà ông có ăn miếng thịt ấy không?

- Thưa ăn rồi.

Trước vẻ tôn nghiêm của Đức Phật, vị tỳ kheo nọ không dám nói dối.

- Ăn thấy vị của nó như thế nào?

- Thưa rất ngon! Từ bé đến giờ con chưa bao giờ ăn một miếng thịt tươi ngon như thế!

Vị tỳ kheo này hoàn toàn không biết xuất xứ của miếng thịt nên trả lời một cách chân thành vô tư, không chút tầm quý. Đức Phật nghiêm nghị nói:

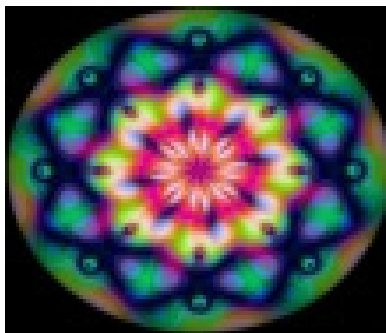
- Thật là ngu si, ông đã ăn thịt người rồi đó!

Như sấm sét nổ ngang trời, vị tỳ kheo không thốt được lời nào, ân hận mãi không thôi.

Từ đó về sau, Đức Phật bèn đặt ra quy luật không được ăn thịt trong tăng đoàn.

Ăn thịt là làm đứt đoạn mắt giống đại bi, chúng sinh nào cũng có Phật tính, người chân chính tu công đức vạn hạnh làm sao ăn thịt được?

Đức Phật chế giới cấm ăn thịt, thật là cả một điều khổ tâm cho Ngài.



76- TÔN KÍNH NGƯỜI GIÀ

Ngày xưa ngày xưa, nước Ba La Nại có một phong tục rất tàn nhẫn. Dân chúng nước ấy cho rằng người già là ký sinh trùng của xã hội, họ sống trên đời là một điều thừa thãi, vì chỉ biết tiêu xài lãng phí chứ không biết làm việc. Những người như thế thì có ích lợi gì trên thế gian này đâu? Xét lại, nếu lấy lương thực dùng để nuôi người già đem nuôi một đứa bé, không phải là có lý hơn sao? Vì thế ở nước Ba La Nại có một điều luật bảo rằng: *"Không ai được nuôi dưỡng người già trong nhà, nếu trái luật thì cả nhà sẽ bị xử tử hình"*.

Một phần để tôn trọng luật pháp, một phần vì vấn đề sinh kế gia đình nên nhà nào cũng như nhà nấy, nói đúng hơn là cả nước đều coi thường người có tuổi. Hễ trong nhà cha mẹ bắt đầu có tuổi là bị con cái đem bỏ giữa núi sâu, làm môi cho hổ beo hay dã thú ăn.

Điều luật vô nhân đạo như thế về lâu về dài đã trở thành một tập quán, một phong tục. Nhưng thiên tính của nhân loại không thể hoàn toàn bị tiêu diệt, nên có một số người không tán đồng chút nào cách xử sự ấy. Nhưng họ sợ bị trừng phạt, không dám phản kháng lại nên chỉ biết cam chịu khổ tâm đem cha mẹ già lên núi sâu làm môi cho dã thú.

Lúc ấy trong nước có một vị trưởng giả hạ sinh được một đứa con trai, cha hiền con hiếu, gia đình rất hòa thuận êm ấm. Nhưng những ngày vui trôi mau, vị trưởng giả từ từ tóc đã điểm sương. Đứa con trai không thể nào nhẫn tâm tuân hành điều luật vô lương tâm như thế, cả nhà cùng nhau tìm ra một giải pháp, đứa con lén đào một cái hầm trong nhà, che mắt quan quân địa phương và hàng xóm, đưa cha mẹ già xuống dưới đó ở, và mỗi ngày đưa thức ăn vật dụng xuống cho cha mẹ dùng. Ngày lại ngày từ từ trôi qua, người con luôn luôn cẩn thận giữ gìn nên không ai phát giác được bí mật của chàng. Vị trưởng giả lớn tuổi sống dưới hầm, suốt ngày tụng kinh niệm Phật cho qua thì giờ.

Không lâu sau, một biến cố xảy ra trong nước làm cho nhà vua và nhân dân lo lắng bất an. Số là các nước láng giềng thấy Ba La Nại là một nước không mấy gì có thực lực, trên phương diện chính trị và quân sự không có gì vững chắc, nên mới có ý định đem quân xâm chiếm nước này. Cho đến nay, sự giao hảo giữa Ba La Nại và các nước láng giềng rất

tốt đẹp, họ đã từng hợp tác liên minh, không ai xâm lấn ai. Nhưng lần này họ trở mặt, mà nguyên nhân lớn nhất là họ không chấp nhận được cái điều luật phế bỏ người già của nước Ba La Nại. Vì thế họ nghĩ ra một cách, trước hết họ gửi một bảng chiến thư, trong đó đặt bốn câu hỏi. Nếu không ai trả lời được bốn câu hỏi ấy, thì các nước sẽ khởi binh khai chiến với nước Ba La Nại.

Khi nhà vua nhận được bảng chiến thư ấy, trong lòng rất lấy làm lo lắng vì cả một triều đình văn võ đại thần, không ai trả lời được bốn câu hỏi này. Cuối cùng chỉ còn cách chép lại bốn câu hỏi, dán khắp các nẻo đường, hy vọng có người học sĩ nào trong nước giải đáp được. Nếu có người nào giải đáp được bốn câu hỏi ấy thì sẽ được vua trọng thưởng vô cùng hậu hĩ. Bốn câu hỏi ấy là:

Trên thế gian này, điều gì trân quý nhất?

Trên thế gian này việc gì làm cho con người sung sướng nhất?

Trên thế gian này, hương vị nào tuyệt diệu nhất?

Trên thế gian này, mạng sống nào kéo dài nhất?

Bảng câu hỏi được dán khắp nơi, một ngày, hai ngày trôi qua rồi mà chưa có ai giải đáp được. Qua tới ngày thứ ba, bỗng có một chàng thanh niên trẻ tuổi đến trình diện, nói là mình biết câu trả lời. Trước mặt công chúng, chàng cầm bút viết xuống:

Thứ nhất, lòng tin là điều trân quý nhất.

Thứ hai, chính pháp làm cho con người sung sướng nhất.

Thứ ba, lời nói thật có hương vị tuyệt diệu nhất.

Thứ tư, trí huệ có mạng sống dài lâu nhất.

Viết xong, những người đang đứng xem tại chỗ nhiệt liệt vỗ tay tán thưởng. Những vị quan sứ đang đứng canh gác ở đây lập tức đem các câu trả lời này trình lên vua. Vua xem rồi lấy làm vui mừng, bèn xuống chỉ cho vời người thanh niên trẻ tuổi ấy vào cung. Vua hỏi ai dạy cho chàng các câu trả lời ấy, chàng thanh niên đáp:

- Chính cha của hạ thần dạy cho hạ thần.

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Cha của khanh hiện giờ ở đâu?

- Xin bệ hạ xá tội cho hạ thần trước hạ thần mới dám tâu. Cha của hạ thần tuổi đã cao, nhưng hạ thần không nhẫn tâm đem cha già vứt trên núi hoang. Bốn câu trả lời mới được trình lên bệ hạ là do cha của hạ thần dạy cho, hiện thời cụ đang sống dưới hầm nhà của hạ thần.

Nghe những lời nói sôi nổi kích động của người thanh niên, nhà vua suy nghĩ một lúc và tỏ vẻ hối hận mà nói:

- Ta bậy quá! Ta bậy quá! Mau kêu toàn dân không ai được đem người già bỏ lên núi nữa, đó là một hành động không hợp ý trời! Lương tri ta ám độn nên đã hại không biết bao nhiêu người có trí huệ rồi!

Từ đó trở đi, dân chúng nước Ba La Nại trở nên những người hiếu thảo bậc nhất, biết hết lòng tôn kính người lớn tuổi già nua.



77- TRƯỜNG SINH ĐỒNG TỬ

Có một lần, lúc Đức Phật đang thuyết pháp tại thành Câu Thiễm Di, thì trong chúng đệ tử nổi lên một vụ tranh chấp kịch liệt, không ai chịu nhường ai. Đức Phật bèn tập họp đại chúng lại, thuyết giáo như sau:

- Các ông đừng tranh chấp, không thể dùng sự tranh chấp để giải quyết tranh chấp. Chỉ có nhẫn nhục mới làm cho sự tranh chấp ngừng lại được mà thôi. Ta mong các ông hãy tôn trọng công đức của nhẫn nhục.

Ngày xưa nước Kiều Tát Di, vua tên là Trường Thọ, và nước Ba La Nại, vua tên là Phạm Dự, là hai nước láng giềng. Một hôm vua Phạm Dự dẫn đại binh qua xâm lấn nước Kiều Tát Di, vua Trường Thọ cũng lãnh đạo một đội binh ra kháng cự. Cuối cùng vua Trường Thọ bắt sống được vua Phạm Dự, nhưng đã không những không giết mà còn đem phóng thích, và nói:

- Vận mệnh của ngài đang nằm trong tay tôi, tôi tha cho ngài, từ nay về sau xin ngài đừng dấy binh khởi chiến nữa.

Ngay lúc ấy vua Phạm Dự hoan hỉ lạy tạ nhưng về nước ít lâu sau, ông lại khởi một đại binh trở lại báo thù rửa hận. Vua Trường Thọ suy nghĩ như sau:

- Ta tuy có thể đánh thắng y nhưng y sẽ không chịu thua tạ Ta lại đánh thắng y một lần nữa không có chi là khó, nhưng trong thâm tâm y sẽ không bao giờ chịu hàng phục, hơn nữa chiến tranh là một cái gì rất là tàn ác. Ta muốn thắng y, y cũng muốn thắng tạ Ta muốn hại y, y cũng sẽ muốn hại tạ Y muốn xâm lấn lãnh thổ của ta khiến cho dân chúng của hai nước phải chịu nhiều khổ đau, thật là không đáng chút nào. Nếu y muốn đất nước của ta thì ta sẽ nhường đất nước cho y, không cùng y giao chiến thì trăm họ trong hai nước sẽ khỏi điều khổ đau chết chóc.

Trường Thọ Vương suy nghĩ như thế xong, gọi đại thần đem việc nước giao cho vua Phạm Dự cai quản, còn mình thì đưa hoàng hậu và thái tử lên xe lánh đến một vương quốc

khác hẳn thân. Vương quốc ấy không đâu khác hơn là chính đất nước của vua Phạm Dự. Vua Trường Thọ thay họ đổi tên, mặc thường phục nghiên cứu học hỏi nghề nghiệp, đi khắp các đô thị lớn, hoà nhã hiền dịu, dùng lời ca điệu múa mang niềm vui cho dân chúng khắp nơi, và gởi gắm thái tử cho người khác nuôi nấng.

Vua Phạm Dự được tình báo cho biết là vua Trường Thọ đã thay họ đổi tên và trốn ngay trong thành của mình, bèn lập tức hạ lệnh bắt về. Dân chúng thấy vua Trường Thọ bị bắt, ai nấy đều thương tâm khóc không ra tiếng.

Thái tử, con của vua Trường Thọ tên là Trường Sinh Đồng Tử, được gởi nuôi ở một nơi khác, lớn lên thông minh lanh lợi, biết làm đủ mọi nghề, nghe tin vua cha bị bắt, bèn cải dạng làm một người tiểu phu, kiếm cách lén lút gặp vua cha. Vua Trường Thọ thấy con trai của mình, làm như không hề có chuyện chi xảy ra, bảo con rằng:

- Nhẫn! Nhẫn! Đó mới là đạo hiếu! Đừng kết nhân quả oán thù, hành đại nguyện từ bi mới là điều quan trọng. Giữ trong tâm mầm móng của sự hung ác độc hại, kết thù gây oán là gieo trồng gốc rễ của ngàn năm tai họa, đó không phải là cách xử sự của đấng con hiếu thảo của ta. Con phải biết, tâm từ bi của chư Phật bao dung cả trời đất, các Ngài coi kẻ oán người thân bình đẳng như nhau. Ta tìm đạo chân thật, xả thân để cứu người mà còn sợ không làm tròn đạo hiếu, nay nếu con vì ta mà báo thù kết oán, là con đi ngược lại đường lối của ta rồi! Dầu gì đi nữa ta cũng không thể cho phép con giữ ý định ấy. Con phải nhớ lời ta dặn, con phải là đấng con hiếu thảo của ta.

Trường Sinh Đồng Tử biết tâm ý của vua cha, nhưng không đành lòng ngồi nhìn cha bị giết oan nên trốn vào một khu rừng sâu lánh nạn. Tất cả những thân sĩ hào tộc trong nước Ba La Nại đều thương tình vua Trường Thọ và đều hy vọng ông vua vô tội này sẽ được thả ra. Nhưng vua Phạm Dự biết cảm tình của mọi người đối với vua Trường Thọ thì rất lấy làm lo sợ, ông nghĩ trừ họa thì phải trừ tận gốc, nên hạ lệnh chém đầu vua Trường Thọ.

Khi Trường Sinh Đồng Tử biết vua cha đã bị giết, nửa đêm lén vào thành cướp tử thi, dùng gỗ thơm tẩm liệm và chích thành khăn thiết cầu siêu cho cha.

Vua Phạm Dự biết vua Trường Thọ có một người con trai tên là Trường Sinh Đồng Tử, ông hết sức lo sợ sẽ có ngày vị thái tử này đến báo thù cho cha nên ăn ngủ không yên, bèn ra lệnh truy nã Trường Sinh Đồng Tử một cách gắt gao.

Trường Sinh Đồng Tử thay họ đổi tên, về thành Ca Thi sống, trở nên một tay nhạc sĩ lừng danh, rất được ái mộ trong giới danh gia quý tộc. Một hôm vua Phạm Dự được nghe nhạc của chàng rất lấy làm thích thú, bèn truyền lệnh cho chàng về cung làm người hầu cận gần gũi nhất, vua tin dụng chàng đến nỗi giao cả bảo đao hộ thân cho chàng cầm giữ.

Có một hôm vua Phạm Dự lên núi săn bắn, lạc mất đường về và mất luôn cả liên lạc với đoàn tùy tùng, bên thân ông chỉ còn Trường Sinh Đồng Tử. Vua tìm đường về, tìm thật lâu mà vẫn không ra, ông mệt mỏi gối đầu lên đùi của Trường Sinh Đồng Tử nhắm mắt nghỉ ngơi.

Ngay lúc ấy, Trường Sinh Đồng Tử nghĩ thầm:

- Tên vua ác độc này là một tên hôn quân vô đạo, hắn đã giết người cha vô tội của ta, chiếm đoạt lãnh thổ của cha ta Hiện giờ sinh mệnh của hắn đang nằm trong tay ta, đúng là một cơ hội trời cho, đây thật là cái dịp ngàn năm một thuở cho ta báo thù rửa hận.

Nghĩ đến đây, Trường Sinh Đồng Tử rút dao ra tính giết vua Phạm Dự, nhưng cũng đúng sát na ấy, chàng nhớ lại lời dặn dò sau cùng của phụ vương, bèn đút dao vào vỏ trở lại. Vừa lúc ấy vua Phạm Dự hoảng hốt giật mình tỉnh giấc, nói với Trường Sinh Đồng Tử rằng:

- Ôi chao! Thật là dễ sợ! Thật là dễ sợ! Ta vừa mộng thấy Trường Sinh Đồng Tử đến đây báo thù, cầm dao cắt đầu ta.

Trường Sinh Đồng Tử nghe vua nói thế, chậm rãi trả lời rằng:

- Xin đại vương đừng lo sợ gì cả. Trường Sinh Đồng Tử chính là thần đây. Thú thật với đại vương, trong lúc đại vương đang ngủ, thần quả có ý định báo thù, nhưng chợt nhớ lại di huấn của cha nên thần lại đút dao vào vỏ trở lại.

- Di huấn của cha người như thế nào?

Vua Phạm Dự hấp tấp hỏi. Trường Sinh Đồng Tử lập lại di huấn của cha "*Nhẫn! Nhẫn! Đó mới là đạo hiếu! Đừng gieo nhân quả oán thù, tâm độc hại chính là gốc rễ của vạn năm tai họa*".

Vua Phạm Dự tỏ vẻ không hiểu ý câu nói ấy, hỏi lại Trường Sinh Đồng Tử:

- *Ta hiểu nghĩa chữ "nhẫn! nhẫn!" nhưng "tâm độc hại chính là gốc rễ của vạn năm tai họa" có nghĩa là gì?*

- *Thần giết đại vương, Trường Sinh Đồng Tử đáp, thì bầy tôi của đại vương tất nhiên sẽ muốn giết thần. Rồi bầy tôi của thần cũng nhất định muốn giết bầy tôi của đại vương. Tình trạng giết qua giết lại này sẽ luân chuyển vĩnh viễn không bao giờ ngừng. Còn nếu thần tha cho đại vương, đại vương tha cho thần, chỉ có nhẫn mới trừ được căn nguyên của tai họa.*

Vua Phạm Dự nghe thế hết sức cảm động, hồi hận lắm bậm tịt nói một mình:

- *Ta đã giết hại một vị thánh, tội của ta thật đáng chết!*

Ngay giờ phút đó, ông thành tâm muốn nhường toàn thể đất nước cho Trường Sinh Đồng Tử nhưng Trường Sinh Đồng Tử nói một cách khiêm tốn và trang trọng:

- *Đất nước của đại vương là sở hữu của đại vương, chỉ mong đại vương trả lại cho thần lãnh thổ của vua cha là đủ!*

Vua Phạm Dự và Trường Sinh Đồng Tử cùng tìm đường trở về thành. Trên đường về, họ gặp rất nhiều vị đại thần của vua Phạm Dự. Vua Phạm Dự muốn thử lòng họ, bèn hỏi:

- *Này các khanh, ta muốn hỏi các khanh một điều: giả sử các khanh gặp Trường Sinh Đồng Tử thì các khanh sẽ đối phó với y ra sao?*

Các vị đại thần muôn người như một trả lời:

- *Chặt tay hắn!*

- *Chém đầu hắn!*

- *Giết hẳn chết!*

Vua Phạm Dự chỉ Trường Sinh Đồng Tử nói:

- *Đây chính là Trường Sinh Đồng Tử.*

Các vị đại thần kinh hãi, họ nhất loạt rút kiếm giương cung, sửa soạn giết Trường Sinh Đồng Tử.

- *Không được động thủ!*

Vua Phạm Dự ngăn lại, rồi kể câu chuyện Trường Sinh Đồng Tử lấy đức báo oán cho các vị đại thần nghe khiến các vị này vô cùng cảm động. Vua Phạm Dự còn dặn dò là sau này, bất kỳ người nào đi nữa cũng không được có ác ý với Trường Sinh Đồng Tử. Các vị đại thần nghe thế rất khâm phục ngài.

Trở về cung rồi, vua Phạm Dự mời Trường Sinh Đồng Tử tắm bằng nước thơm, lấy y phục vương giả khoác lên người chàng, nhường cung điện cho chàng, mời chàng lên ngồi lên giường vàng của mình và còn đem công chúa gả cho chàng nữa. Sau đó, vua phái rất nhiều quân lính, ngựa voi hộ tống chàng về nước.

Chư Tỳ Kheo! Các ông nghe chuyện này rồi, không biết cảm tưởng của các ông ra sao? Vua Trường Thọ của nước Kiều Tát Di thực hành nhẫn nhục, với tâm đại từ đại bi đầy đủ thí ân huệ cho người thù của mình, là một tấm gương sáng, các ông nên cố gắng noi theo. Các ông là những người có lòng tin chân thành, rồi bỏ quê nhà, cắt đứt ân ái gia đình, chưa nghiên cứu sâu chân lý của vũ trụ và cầu chứng thực tướng của nhân sinh, thì phải thực hành nhẫn nhục, tán thán nhẫn nhục, thực hành đại bi, tán thán đại bi, đem ân huệ bố thí cho tất cả chúng sinh, thực tướng trong vũ trụ đồng một thể, không nên có những tranh chấp giữa "ta" và "người".



78- TỰ MÌNH CỨU LẤY MÌNH

Thiện La Ni Tân nghe nói Đức Phật đang thuyết pháp tại Kỳ Viên Tinh xá. Ngày hôm ấy, ông thành tâm cung kính một mình đến vườn Kỳ Viên mong được Đức Phật khai thị. Nhưng ông không vào thẳng trong tinh xá trang nghiêm hùng vĩ mà chỉ đứng lảng vảng ngoài khóm rừng cây do dự, từ xa nhìn vào toà Kỳ Viên tĩnh lặng u mỹ mà trong lòng vô cùng hâm mộ.

Lâu lâu ông ngóng về phía tinh xá, lẩm bẩm tự bảo:

- Thế nào Đức Phật cũng sẽ bước ra!

Từ hơn mười năm qua ông cứ mãi tìm cách thoát khỏi sự đau khổ của đời người nhưng không sao tìm ra được giải pháp, và bị kẹt vào một sự mâu thuẫn khiến cho ông cứ khổ sở không một phút giây nào yên tĩnh. Trong quá khứ, hễ có chuyện gì không vui là ông chạy đi coi bói, cầu thần linh, nhưng sau bao nhiêu năm, những vì thần linh mà ông vẫn cung phụng đó, không vị nào thỏa mãn được điều ông mong cầu. Từ từ ông sinh tâm hoài nghi: *"Thần linh có giải trừ được sự đau khổ của kiếp con người, và có đem lại được hạnh phúc cho nhân thế hay không?"* Thế là ông rơi vào hố sâu của sự mâu thuẫn, không thể nào thoát ra được. Vì thế ông sinh đủ thứ bệnh, tinh thần thì đa sầu đa cảm, thân thể thì héo úa, bất an.

Trong lúc ông đang chìm đắm trong những suy tư ấy thì từ bên ngoài có một vị tỳ kheo trở về tinh xá. Thiện La Ni Tân thấy vị tỳ kheo trang nghiêm, thái độ uy nghi trầm tĩnh, không cảm lòng được bèn bước đến trước vị ấy cung kính hỏi :

- Ngài có phải là một đạo sư Bà la môn không?

- Không, tôi là một tỳ kheo, đệ tử của Đức Phật.

Thiện La Ni Tân giương to cặp mắt kinh ngạc, tỳ kheo là gì? Đệ tử của Đức Phật có nghĩa là sao? Ông chưa từng nghe qua những điều ấy, và mập mờ phỏng đoán rằng:

- Ngài là một vị thánh đang tìm cầu chân lý của nhân sinh chăng?

- Không những tôi đang tìm cầu chân lý của nhân sinh, mà còn là một người xuất gia đang tìm cầu giải thoát sự đau khổ của ngay cuộc đời này nữa!

- Vậy thì ngài có thể nói cho tôi biết làm cách nào để giải thoát sự đau khổ của đời người?

- Hãy dựa vào sự cố gắng của chính mình!

Vị tỳ kheo trả lời một cách giản dị nhưng rất khẳng định.

Như sấm sét bùng nổ giữa bầu trời quang đãng, Thiện La Ni Tân vừa nghe được tiếng chuông chân lý, đánh đổ quan niệm của ông vẫn cho rằng tất cả con người chỉ có thể nương vào lực cứu độ của thần linh mới thoát được mọi khổ đau mà thôi. Ông bàng hoàng khâm phục hỏi tiếp:

- Dùng lực của chính mình để tự giải trừ khổ đau, phải chăng đó là kiến giải thù thắng mà ngài tự mình đặc biệt khám phá ra?

- Đó là lời thầy tôi dạy, tôi chỉ nhắc lại lời của thầy tôi cho ông nghe, riêng phần tôi thì không có kiến giải thù thắng đặc biệt nào của riêng mình.

- Thầy của ngài! Thầy của ngài là ai?

- Thầy tôi là bậc đã hoàn toàn giác ngộ chân lý của nhân sinh và vũ trụ, thầy tôi chính là Đức Phật!

- A! Tôi nghe nói có một vị gọi là Phật, hôm nay tôi đến đây cũng chính là để tìm gặp vị ấy.

Thiện La Ni Tân nói như chợt nhớ ra tại sao mình đang có mặt ở chỗ ấy.

- Thế à, thế thì ông đã gặp Đức Phật chưa?

- Chưa, tôi chưa gặp Ngài. Tuy nhiên tôi thường nghe người ta tán tụng Đức Phật, phẩm cách cao quý và tinh thần cứu thế cao cả, nên tôi ngưỡng mộ đã Ngài từ lâu.

- Ông tới đây là vì muốn bái kiến Đức Phật phải không?

- Đúng vậy. Tôi muốn bái kiến Đức Phật, nhưng tôi là một người quá đỗi tâm thường, liệu Đức Phật có bằng lòng cho tôi gặp mặt hay không?

- Xin ông đừng do dự nữa, trong tâm từ bi quảng đại của Đức Phật, không có sự phân biệt sang hèn. Ngài thường hộ niệm tất cả chúng sinh một cách bình đẳng cho nên dĩ nhiên sẽ vui lòng cho ông gặp.

Thiện La Ni Tân nghe thế bèn đi theo sau vị tỷ kheo ấy tiến vào bên trong tinh xá để bái kiến Đức Phật. Lúc ấy Đức Phật đang trụ trong thiền định, Ngài mở mắt ra dùng từ nhãn nhìn Thiện La Ni Tân mà nói:

- Thiện La Ni Tân! Ông đến thật đúng lúc. Ông có vấn đề chi cứ việc hỏi ta!

Thiện La Ni Tân không ngờ Đức Phật lại ưu ái mình như vậy, ông vội gieo năm vốc xuống đất đánh lễ và nhìn lên khuôn mặt trang nghiêm từ ái của Đức Phật, nói:

- Bạch Thế Tôn! Thân con nay đã hư hoại hết rồi! Cũng vì cái thân gầy mòn suy nhược và bệnh hoạn này mà con kinh nghiệm được cái khổ nạn của sinh lão bệnh tử, và biết rõ rằng thân thể là căn nguyên của mọi sự đau khổ. Vì lý do đó mà con đã tin tưởng những gì Bà la môn ngoại đạo nói, và cầu xin sự gia bị của thần linh. Nhưng nghèo vẫn hoàn nghèo và bệnh vẫn hoàn bệnh, nên từ từ con bắt đầu nghi ngờ thần linh. Thế Tôn! Trong tâm con hiện nay đầy dẫy những mâu thuẫn, nên con xin thỉnh ý Ngài. Con nên hay không nên đặt hết niềm tin vào thần linh?

Đức Phật yên lặng nghe Thiện La Ni Tân nói hết rồi mới đưa tay chỉ một ngôi làng cách khu Kỳ Viên không xa lắm, nhẹ nhàng hỏi:

- Thiện La Ni Tân! Ông hãy nhìn những người nông phu trong ngôi làng kia! Giả sử vào mùa xuân, khi vạn vật đang sinh trưởng, họ không lo khổ công cày ruộng gieo giống mà ngày ngày chỉ ngồi trước mặt thần linh cầu nguyện để có một mùa gặt phong phú vào mùa thu, thì ông nghĩ sao, nếu tự họ không cày bừa gieo hạt, thần linh có sẽ làm cho họ được mùa hay không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Nếu không cấy bừa gieo giống thì có cầu nguyện mấy đi nữa, đứng trước một bãi đất hoang cũng không thu hoạch được gì cả.

- Thiện La Ni Tân, ông trả lời rất đúng. Thì cũng thế thôi, có nhiều người không làm việc theo chính nghiệp, không chịu vận động, thân thể ngày càng suy yếu, gia cảnh ngày càng nghèo khó, giống như một thửa ruộng không được cấy bừa ngày càng hoang phế, chắc chắn không phải nhờ cầu thần linh mà thân thể khoẻ mạnh, gia cảnh khá giả, và đến mùa thu thì lại được một mùa gặt phong phú đâu!

Thiện La Ni Tân im lặng gặt đầu, ông cảm thấy trong lòng từ từ trở nên thư thái, nhẹ nhàng. Đức Phật tiếp tục hỏi:

- Thiện La Ni Tân! Nếu có một người nông phu, đang lúc mùa xuân vạn vật xinh tươi, khổ công cấy bừa gieo hạt, nhưng lại không cầu xin ân huệ gì của thần linh, thì ông nghĩ xem, có phải do vì người ấy không cầu xin thần linh mà không gặt hái được gì trong ruộng của mình không

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Chỉ cần cấy bừa gieo hạt trong ruộng thì tuy không cầu xin thần linh, đến mùa thu vẫn được mùa như thường!

- Thiện La Ni Tân! Thì cũng y như thế, nếu trong đời sống hằng ngày của chúng ta, chúng ta chịu cần kiệm, chịu vận động, thì tự nhiên thân thể sẽ khoẻ mạnh, gia đình sẽ giàu có, y hệt như việc gieo hạt trong ruộng đất kia vậy.

Cho nên Bà la môn ngoại đạo cầu thần linh không phải là một phương pháp để giải thoát sự đau khổ của đời người, chỉ có từ sự hoạt động bình thường của thân tâm mà tinh tiến làm việc thiện, ngưng bật làm chuyện ác, khiến thân tâm thanh tịnh, chúng ta mới giải thoát được sự đau khổ và bước vào đất thánh tịnh lạc được!

Thiện La Ni Tân nghe diệu pháp của Đức Phật như được uống thuốc thánh để trị bệnh, căn bệnh mâu thuẫn trong tâm ông được chữa lành trong khoảnh khắc, ông cảm thấy chưa bao giờ hoan hỉ như thế. Ông chí thành đánh lễ Đức Phật để cảm tạ, và còn quy y Đức Phật nữa !

79- VỢ CHỒNG ÔNG CẤP CÔ ĐỘC

Trưởng giả Tu Đạt Đa là một nhà từ thiện, thích làm chuyện phước đức, thích bố thí. Ông thường cứu giúp người nghèo khó, hay đem cơm gạo, quần áo bố thí cho họ. Trong toàn khu vực thành Xá Vệ, không phân biệt nam hay nữ, già hay trẻ, cứ hễ nghèo khổ, không nơi nương tựa, một khi kêu gọi đến ông là ông vui vẻ giúp đỡ ngay. Vì thế mọi người đều đặt tên ông là "trưởng giả Cấp Cô Độc".

Một hôm, trưởng giả Tu Đạt đến nhà ông trưởng giả Thủ La ở Vương Xá Thành để bàn bạc việc hôn nhân cho con trai út, thì ngẫu nhiên được diện kiến với Đức Phật và được nghe pháp âm của Ngài. Ông quá đỗi vui mừng, liền phát tâm ngay tại chỗ xây một tinh xá để thỉnh Đức Phật và chư tỳ kheo đến Xá Vệ Thành giáo hóa chúng sinh ở đấy. Đức Phật hoan hỉ nhận lời, khi nào tinh xá xây dựng xong thì Ngài sẽ đến.

Trưởng giả Tu Đạt quay về Xá Vệ Thành, lập tức đi nhìn xem để tìm một địa điểm thích hợp. Ông đi tìm hỏi khắp mọi nơi, trong số các nơi ấy có vườn cây của thái tử Kỳ Đà, vô cùng rộng rãi, có sông có nước, có đồi có núi, có hoa thơm cỏ lạ cảnh đẹp như tranh, thật là một khung cảnh thanh tịnh, u mỹ.

Nếu dùng chỗ này để xây dựng tinh xá, để cúng dường Đức Phật về đấy thuyết Pháp, và chư Tỳ kheo về đấy an trú thì không có chỗ nào tốt đẹp hơn. Nhưng đây là khu vườn mà thái tử Kỳ Đà yêu thích nhất, trưởng giả Tu Đạt không biết phải làm cách nào để thái tử chịu nhường khu vườn cây này cho ông. Ông suy nghĩ nát óc và tuy biết là sẽ rất khó khăn nhưng không có cách nào hơn là đi tìm gặp thẳng thái tử Kỳ Đà để xin thái tử vui lòng bán lại khu vườn cho mình.

Nói sao thì nói, thái tử Kỳ Đà cũng không chấp thuận. Khi nghe trưởng giả Tu Đạt nài nỉ tới lần thứ ba, thái tử cảm thấy khó mà cự tuyệt mãi một người danh tiếng lừng lẫy toàn quốc như ông trưởng giả này, bèn nghĩ kế đòi một số tiền rất lớn, khiến trưởng giả không thể nào mùa nổi. Nghĩ thế rồi, thái tử bèn nói:

- Tôi thật sự không muốn nhường khu vườn này cho ông, nhưng thấy ông cứ nài nỉ mãi như thế, thôi thì thế này. Tôi bằng lòng bán đất với điều kiện như sau : ông hãy lấy vàng trải đầy khắp mặt đất của khu vườn, số lượng vàng ấy sẽ là giá tiền ông phải trả cho tôi. Ông có khả năng làm được việc này thì tôi nhường đất cho ông.

Có ngờ đâu thái tử vừa đưa ra giá tiền xong, trưởng giả Tu Đạt vui mừng khôn xiết, lập tức trở về gọi người nhà đem hết xe này đến xe khác chở vàng đến trải đầy khắp mặt đất.

Thái tử Kỳ Đà ban đầu tưởng bắt bí được trưởng giả Tu Đạt khiến ông này không mua nổi đất, bây giờ thấy tận mắt sự việc như thế, không khỏi lấy làm cảm động, nên đến hỏi trưởng giả Tu Đạt rằng:

- Đất thì coi là của ông rồi đó, nhưng cây cỏ hoa lá trong vườn thì tôi chưa hề bán cho ông. Đức Phật là người như thế nào mà ông lại đối với ngài ta nhiệt tâm đến thế? Thôi thì bây giờ, ông bằng lòng cho tôi cúng dường mấy gốc cây trong vườn cho Đức Phật không?

Trưởng giả Tu Đạt nghe thái tử Kỳ Đạt hỏi như thế bèn nói rõ tường tận sự tôn quý của Đức Phật cho thái tử nghe. Cả hai đều vô cùng cảm động, hết sức hân hoan và yên tâm.

Tinh xá xây xong, trưởng giả Tu Đạt lập tức nghênh thỉnh Đức Phật và chư tăng về. Bởi vì tinh xá là do trưởng giả Cấp Cô Độc cúng vườn và thái tử Kỳ Đà cúng các gốc cây nên Đức Phật lấy tên hai người này mà đặt tên cho tinh xá, tức là "*Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên*".

Trưởng giả Tu Đạt vốn thích bố thí, ham làm việc thiện, lại thêm chuyện xây tinh xá khiến ông đã phải xuất vốn quá nhiều, nên ông khánh kiệt cả gia sản, tay trắng không còn một đồng một chữ hộ thân, đến mức sắp chết đói. Ông nhặt được trong đồng rác một khúc gỗ, đây là gỗ chiên đàn vốn là một thứ gỗ vô giá, nhưng vì không được sạch sẽ nên khi ông đem đi bán, rất ít người muốn mua. Cuối cùng có người miễn cưỡng đòi với 4 thung gạo trắng.

Trưởng giả Tu Đạt phu nhân đong một thung gạo đem đi nấu, thì ngay khi ấy có tôn giả Xá Lợi Phất đứng ngay trước cửa, ôm bình bát khát thực. Phu nhân vô cùng hoan hỉ, bà đem thung gạo đã nấu thành cơm ấy mà cúng dường hết cho ngài Xá Lợi Phất . Sau đó bà đong một thung gạo khác đem đi nấu, cơm vừa chín thì có ngài Mục Kiền Liên đến khát thực. Bà cũng lại đem cơm mới nấu ra cúng dường cho ngài Mục Kiền Liên. Lần thứ ba nấu cơm, bà cúng dường cho ngài Ca Diếp. Còn thung gạo cuối cùng, vừa chín tới thì Đức Phật đến. Bà nghĩ "*Mình chỉ còn một thung gạo mới nấu chín thì Thế Tôn lại đến, có phải chẳng là quả báo xấu đã đến kỳ chấm dứt, quả báo tốt đã đến lúc sắp trở rồi chăng?*" Nghĩ thế xong, có bao nhiêu cơm trong nồi, bà cúng dường trọn lên cho Đức Phật.

Đức Phật thấy vợ chồng trưởng giả Tu Đạt có lòng như thế, nên từ kim khẩu chúc nguyện rằng:

- Tội diệt phúc sinh, từ nay trở đi, phúc đức vô tận, không còn khổ khó.

Chỉ trong vòng một sát na, gia nhân chạy đến báo tin mừng: "*Vàng bạc, tiền tài, châu báu trong nhà, cơm gạo, lụa là vải vóc trong kho không biết làm sao mà chất đầy như núi, so với lúc trước thì bây giờ nhà ta giàu có hơn nhiều!*"

Trong tâm, trưởng giả Tu Đạt biết rõ đây là do Đức Phật thương xót mà ban cho, nên vội lập đàn thật lớn để cúng dường Đức Phật và chư tăng, thỉnh Thế Tôn thuyết pháp cho mọi người được nhiều pháp lạc.

Đem của cải mình có ra bố thí cho người, thấy thì như mất đi nhưng như hạt giống vùi trong lòng đất, sớm muộn gì cũng sẽ có ngày hái được quả ngọt.



80- VÒNG CHÂU CÀI TÓC

Ngày xưa, có một ông vua rất cưng chiều con gái của mình, cứ quẩn quít lấy con chưa từng rời xa. Khi công chúa muốn điêu chi, vua luôn luôn tìm cách để chiều lòng cô.

Một hôm, trời mới mưa xong một trận mưa lớn, vườn hoa ngự uyển khoác một lớp áo mới mẻ, tươi mát, công chúa tản bộ đến bên hồ nước giữa vườn, ngắm nhìn mặt nước trong vắt.

Đột nhiên cô nhìn thấy trên mặt nước bắn lên rất nhiều bọt bong bóng lóng la lóng lánh như trân châu, thật là đẹp mắt. Công chúa thích quá, bỗng khởi lên một ý tưởng hảo huyền, xoay qua nói với vua cha rằng:

- Phụ vương! Cha hãy nhìn mặt nước hồ của vườn hoa nhà mình, mấy cái bọt bong bóng đẹp quá là đẹp! Con nghĩ mình phải vớt lên để kết thành vòng châu cài tóc cho con trang sức, cha thấy có được không?

- Được chứ! Được chứ! Con gái cưng của cha muốn gì mà lại không được?

Nói xong, nhà vua bỗng sa sầm mặt xuống:

- Nhưng bọt bong bóng trên mặt nước là một vật hư huyền không thật, không cầm nắm được, làm sao mà vớt lên làm vòng châu được

- Nhưng con muốn! Con muốn là phải được!

Công chúa nũng nịu nói.

- Con gái cưng! Con ngốc vừa thôi chứ!

Công chúa không bằng lòng, giận dỗi trả lời:

- Cái gì mà ngốc? Trên mặt nước bong bóng rành rành ra đó, làm sao không vớt lên được chứ?

- Nhưng chúng sinh diệt trong một sát na, không tồn tại quá một sát na, làm sao vớt được?

Nhà vua dùng lời ngọt ngào giải thích.

- Con không tin! Không cho con vòng châu bằng bóng nước, con không muốn sống nữa!

Công chúa được cung chịu từ bé, muốn mình đòi gì là phải được ngay cái ấy. Vua cha nghe vậy thì lo sợ, lập tức triệu tập những tay thợ vàng khéo nhất vương quốc phán rằng:

- Các ông xưa nay vốn được xưng là những tay thợ tuyệt khéo, không có gì là không biết. Nay ta có việc này muốn nhờ các ông.

- Đại vương có gì dạy bảo, chúng thần đương nhiên sẽ tuân theo!

Các vị thợ vàng đứng thẳng người đợi lệnh.

- Các ông hãy lập tức vớt lấy bóng nước trong hồ, kết thành vòng châu cho con gái ta.

Các vị thợ vàng nghe thế thì kinh hoàng thất sắc, tất cả đồng tâu rằng:

- Dẫu chúng thần có tài khéo tới đâu đi nữa cũng không có cách gì vớt bóng nước làm vòng châu được!

Nhà vua lớn tiếng hạ lệnh:

- Nếu các ông không làm được, ta sẽ chém đầu các ông!

Các vị thợ vàng nghe vậy ai cũng run sợ, líu lưỡi, gương tròn đôi mắt ra nhìn nhau. Vua nổi trận lôi đình, ai mà không sợ? Trong số có một lão thợ già nghĩ ra một kế, tiến lên tâu vua rằng:

- Hạ thần có cách.

- Tốt quá! Ông làm thử xem, ta sẽ thưởng công cho ông hậu hĩ!

Nhà vua vô cùng mãn nguyện, xoay lại nói với con gái rằng:

- Con có thấy ta thương con không? Ta đã không chút nề hà, tìm ra được cho con một người biết vớt bong bóng nước để kết thành vòng châu cho con cài tóc rồi đó!

- Đa tạ phụ vương! Con cũng muốn đi xem.

- Thì con hãy đi theo ông thợ mà xem.

Được phụ vương cho phép, công chúa hân hoan đi theo ông thợ già ra bên bờ hồ, cô muốn nhìn tận mắt ông thợ sẽ làm cách nào. Đến ven hồ, ông thợ già cung kính, thành khẩn nói với công chúa rằng:

- Công nương! Tôi già nua, mắt đã mờ không thấy đường, từ trước đến nay cũng không biết bong bóng nước nào đẹp, bong bóng nào xấu. Xin công nương hoan hỉ tự tay chọn lựa, để tôi kết thành vòng châu cho công nương, được không?

- Được! Để tôi đi chọn!

Công chúa vua vẻ nói, cuộn tay áo lại, nhúng tay vào nước mở lòng bàn tay ra để vớt lấy bong bóng, nhưng tay vừa nhúng xuống nước thì bong bóng đã vỡ, cô làm cách nào cũng không có kết quả. Cần cù thật lâu chẳng vớt được một bong bóng nào, cô mệt mỏi chán nản, bèn bỏ ý muốn vớt bóng nước làm vòng châu, quay trở về cung.

Lúc ấy công chúa dường như thức tỉnh, nói với vua cha:

- Bọt nước sinh diệt vô thường, là cái thứ mà ta không giữ lâu được, con không muốn một vòng châu như thế nữa.

Nhà vua nghe thế vui mừng mỉm cười hỏi:

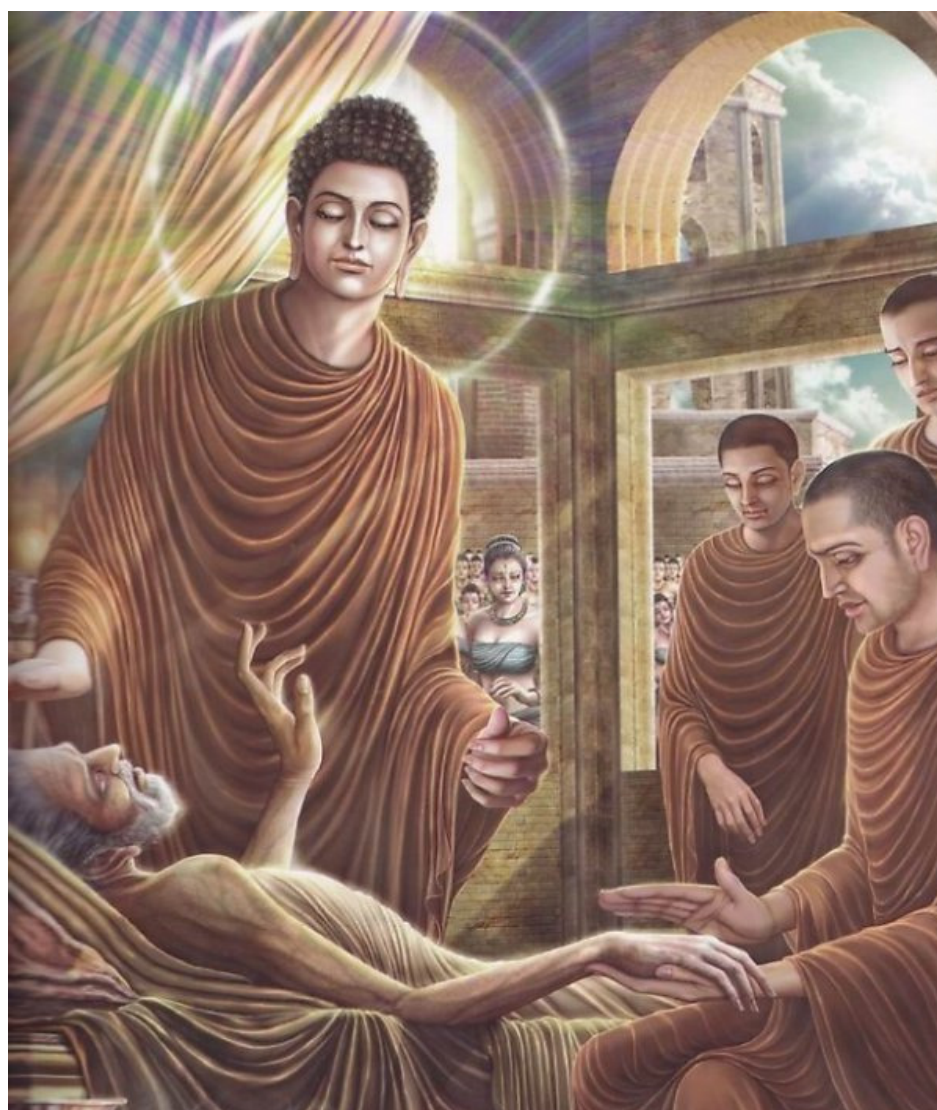
- Thế thì con muốn một vòng châu như thế nào?

- Con muốn một vòng châu bằng ngọc tím để cài lên tóc, ngày đêm gì cũng không khô héo tàn tạ, như thế tốt hơn nhiều!

- Đúng! Đó mới là một vật chân thật, không hư huyễn, ta nhất định sẽ tặng cho con!

Công chúa rất vui lòng, lễ phụ vương mà lui đi.

Đức Phật đã nói: ***"Đời người mong manh, thế gian vô thường, của cải như bọt nước, sinh diệt trong sát na, không giữ lâu được, không thể nương tựa được!"***



81- VỌNG NGŨ GẶP NẠN

Lúc Đức Phật thuyết pháp ở thành Tỳ Gia Lê, có một người tên là Ca La Việt, được nhìn thấy tôn nhan của Thế Tôn hân hoan vô hạn, bèn thỉnh đức Phật đến nhà cho mình có dịp thành tâm cúng dường. Khi Đức Phật đến và từ bi chú nguyện cho ông, Ca La Việt trân trọng đứng lên cung thỉnh Thế Tôn thuyết giảng ý nghĩa chân thật của Phật Pháp. Đức Phật mỉm cười, từ miệng Ngài phóng ra một luồng ánh sáng năm màu rực rỡ, luồng ánh sáng này lập tức nhiễu quanh Ngài ba vòng rồi mới ẩn vào đỉnh đầu của Ngài mà biến mất.

Ngài A Nan thấy thế, vội sửa y phục đến trước mặt Đức Phật mà bạch rằng:

- Thế Tôn! Phật không khi nào cười mà không có nguyên do. Hôm nay Thế Tôn cười, chắc là có điều gì muốn khai thị cho chúng con. Chúng con vô cùng ngưỡng mong được nghe Thế Tôn từ bi thuyết pháp.

Đức Phật lại cười mà đáp:

- Được rồi, A Nan! Ta biết ông lúc nào cũng vô cùng ngưỡng mong vì chúng sinh mà vạch một con đường đưa đến giải thoát, cho nên bây giờ ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Cách đây rất lâu, tại một vương quốc nọ, có 500 người lái buôn chuyên đi đào quật các mỏ vàng ngọc châu báu. Có một hôm, họ vào biển sâu tìm kho tàng. Tìm được kho tàng rồi, trên đường về, họ sợ gặp sóng dữ nguy hiểm nên mới bỏ thuyền mà đi trên đất liền. Ngày hôm ấy họ băng qua một ngọn núi cao, khi mặt trời đã ngã về Tây, mọi người nằm ngay xuống đất mà ngủ, hẹn nhau rằng hôm sau khi trời vừa hừng sáng thì phải lập tức lên đường.

Quả nhiên, sáng sớm ngày hôm sau, 499 người thức dậy đúng giờ chuẩn bị hành trang xong xuôi là khởi hành ngay, chỉ có một người không ai nhìn thấy mà đánh thức nên còn nằm ngủ say ở đó. Khi người này mở mắt tỉnh giấc thì đã lạc mất đồng bạn, cuống cuống chạy ra đường núi những tưởng bắt kịp lại được đoàn người kia, nhưng đã muộn mất rồi!

Người này chạy tới chạy lui, nhưng chạy đường nào đi nữa cũng không ra khỏi được dãy núi quanh co hiểm trở.

Đúng ngay lúc ấy, gió bắc bỗng nổi dậy rít lên giận dữ, trong chớp nhoáng một trận cuồng phong thổi tới làm cho cát đá bay loạn xạ, từng tảng băng tuyết ào ạt rơi xuống, con đường núi trước mặt phút chốc đã bị băng tuyết phủ kín, không trông thấy đâu nữa.

Con đường về nay đã không còn, người lái buôn này tuyệt vọng ôm mặt khóc ròng, nước mắt lả chả.

Trong những dãy núi quanh co đó, có một cây chiên đàn hương, hấp thụ tinh hoa của trời đất từ lâu đời nên có được tánh linh và biến thành một vị thần cây. Thần cây biết được nỗi thống khổ của người lái buôn lạc đường nên phát tâm cứu giúp, đến trước người này mà nói rằng:

- Ông có thể tạm thời đến chỗ của ta mà ở, chuyện ăn uống, quần áo đã có ta lo liệu, chờ tới mùa xuân năm sau, băng tuyết tan rồi thì sẽ tìm ra đường về, lúc đó hãy tính.

Người lái buôn này đã đến bước đường cùng, nghe thế mừng rỡ vô cùng, từ đó bèn trú ngụ dưới gốc cây chiên đàn này.

Thời gian qua như tên bay, chẳng mấy chốc mùa xuân đã đến, băng tuyết đã tan, đường về đã hiện ra trước mắt, người lái buôn lạc đường mới nói với thần cây:

- Khi tôi cùng đường mạt lộ, hân hạnh được ngài cứu vớt mới sống sót được tới ngày hôm nay, chỉ hận là trong người không có vật gì để báo đáp ơn ngài. Bây giờ tôi còn chút cha già phải về phụng dưỡng, xin ngài vui lòng đưa đường chỉ lối cho tôi về.

- Được, thần cây cười nói và đưa cho người này một cái bánh bằng vàng, ông cứ đi thẳng trước mặt thì sẽ đến một ngôi thành nhỏ, cứ ven theo ngôi thành ấy thì sẽ tìm được đường về nhà.

Nghe xong, người lái buôn lạc đường mới cáo biệt thần cây:

- Gốc cây này mùi hương ngào ngạt thanh khiết không gì sánh bằng, trên thế gian chắc chắn không có một gốc cây thứ hai như thế. Hôm nay tôi từ biệt ngài mà về chốn xa xôi, có lẽ suốt đời tôi sẽ không được gặp lại ngài nữa, chỉ ao ước ngài vui lòng cho tôi biết tên.

Thần cây trả lời :

- Ông hãy đi về đi, tìm biết tên ta mà làm gì.

Người lái buôn nói:

- Tôi rất là xấu hổ, lúc cùng đường gặp ngài nên được sống sót, tính lại hơn một trăm ngày đã trôi qua mà chưa báo đáp được mảy may nào công ơn to lớn của ngài, thật ra tôi không làm gì khác được là xin được biết quý danh để khi về tới nhà, tôi có thể kể cho người nhà biết đến công đức của ngài.

Thần cây thấy người lái buôn có vẻ thành thật, không nỡ từ chối hảo ý của người này nên thẳng thắn nói tên mình là Chiên Đàn, nhưng dặn đi dặn lại mấy lượt:

- Rễ nhánh của ta tuy có thể trị được tất cả các loại bệnh của thế gian, mùi hương của ta bay ngát bốn phương trời, ở xa cũng có thể ngửi thấy, có thể nói là trên đời có một không hai. Nhưng nếu mọi người biết được sự hiện diện của ta, lòng tham không đáy của họ sẽ khiến họ đến đón ta mất. Vì thế, ta hy vọng ông sẽ không nói với ai chỗ ta ở.

Người lái buôn cảm ơn thần cây rồi, đi theo lộ trình thần cây chỉ dẫn, quả nhiên về được tới nhà của mình. Sau đó ông sống những chuỗi ngày an vui hạnh phúc bên cạnh cha mẹ và vô số bạn bè thân thích.

Sau đó không lâu, nhà vua bỗng mắc bệnh đau đầu, uống thang thuốc nào đi nữa cũng vô hiệu, sau gặp một vị thầy thuốc có danh tiếng nói cho biết rằng chỉ có một phương thuốc mới chữa được bệnh của vua, đó là làm sao tìm cho ra một cây chiên đàn, lấy lá rán lên làm thuốc mà uống.

Nhà vua nghe thế, lập tức xuống chiếu nói rằng, hễ ai tìm được cây chiên đàn hương thì sẽ được phong thưởng hậu hĩ, chưa kể còn được vua gả công chúa cho nữa.

Lệnh vua truyền xuống chẳng mấy chốc đã tới tai người lái buôn mới ngày nào đi lạc đường. Người này tuy mặt người nhưng lòng thú, tâm tham dục quyến rũ không sao cưỡng được, nên quên bằng ơn cứu mệnh và những lời căn dặn năm lần bảy lượt của thần cây, lén lút chạy đi nói với nhà vua là mình biết chỗ có cây chiên đàn. Nhà vua liền phái một đoàn vệ sĩ đi theo vị thương nhân để đón cây chiên đàn mang về.

Thế là một đoàn người rầm rộ, ngày đi đêm nghỉ không ngừng ngày nào, quả nhiên đến chỗ có cây chiên đàn. Mọi người ngược lên chỉ thấy cành lá sum sê, thân cây sừng sững chót vót. Bọn vệ sĩ thấy cây như thế, không ai nỡ ra tay đốn. Nhưng nếu về tay không thì cái tội khi quân, cưỡng lệnh làm sao trốn thoát? Đang phân vân lưỡng lự thì bỗng có tiếng nói ròn rảng từ trên không vọng xuống:

- Ta là thần của gốc cây này, quý vị nếu muốn đốn thì cứ việc ra tay. Chỉ xin quý vị cố gắng giữ gìn rễ cây để cây đừng tuyệt chủng. Đốn cây xong, lại xin quý vị kiểm xác của một người mới chết, lấy máu người này bôi lên rễ cây, rồi lấy ruột gan đắp lên trên, cây sẽ có thể sống lại như cũ.

Nghe đến đây, ai nấy mỗi người một tay đưa búa lên chém, thân cây ngã xuống đánh ầm một tiếng. Đúng lúc đó, người lái buôn đứng bên cạnh đang mải mê ngược đầu lên nhìn bỗng rú lên rồi ngã xuống đất. Mọi người hốt hải chạy đến thì thấy trên thân của người này máu chảy đầm dề. Thì ra người này đi không cẩn thận, vấp phải một nhánh cây mà ngã xuống, bị trúng ngay chỗ hiểm. Thật đáng thương, tiền lãnh thưởng thì chưa thấy đồng nào mà tính mệnh thì than ôi! Đã đi đời!

Lúc mọi người còn đang bàn tán sôi nổi bên cạnh thi thể của người lái buôn xấu số, thì có một người lên tiếng:

- Lúc nãy tôi nghe có tiếng người nói từ trên không vọng xuống, bảo kiểm xác người mới chết lấy máu mà bôi lên, rồi lấy ruột gan mà đắp lên rễ cây. Lúc đó tôi hoang mang tự hỏi, ở một nơi hoang vắng như thế này thì lấy đâu ra xác người? Nào ngờ người lái buôn này lại chết bất đắc kỳ tử, hay có thể ông ta vừa tới số cũng không chừng, thôi thì chúng ta hãy tạm lấy máu và ruột gan ông ta đắp lên rễ cây vậy.

Mọi người ai nấy đều đồng lòng hưởng ứng, khi họ hoàn tất việc này, trong nháy mắt rễ cây bỗng đâm ra tua tủa và cành lá vươn lên rậm rạp, gốc cây sum sê tươi tốt như thể chưa từng bị đốn xuống bao giờ.

Nhà vua nhờ uống thuốc chế từ cây chiên đàn nên bệnh đau đầu phút chốc đã lành, bèn truyền lệnh cho tất cả thần dân, ai có bệnh thì hãy đến lấy thuốc chiên đàn còn lại đem về uống, chẳng bao lâu, bệnh tật nào cũng chữa lành hết. Từ đó đất nước thanh bình, quốc thái dân an, hưởng hạnh phúc lâu dài.

Ngài A Nan nghe Đức Phật kể đến đây, bèn rời chỗ ngồi, tiến lên lễ Phật bạch rằng:

- *Người lái buôn lạc đường sao lại vong ơn bội nghĩa, cãi lời dặn dò của thần cây? Tại sao vì muốn lãnh thưởng mà lại làm chuyện trái với lẽ phải như thế kia?*

Đức Phật là một vị đại giác, Ngài biết một cách rõ ràng mọi dây mơ rễ má của từng quan hệ nhân quả một, nên trả lời ngài A Nan:

- *Ngày xưa khi Duy Vệ Phật còn tại thế, có ba cha con nhà họ. người cha chăm chỉ hành ngũ giới, thập thiện, nghiêm trì bát quan trai giới, tinh tiến, không giải đãi. Người con trưởng cũng hay ở giữa sân hướng lên không trung mà đốt hương lễ bái, cúng dường chư Phật trong mười phương. Còn người con út lại ngu si không biết tôn kính Tam Bảo, thường lấy áo quần không thanh khiết mà đập lên những nén hương này. Người con trưởng nói:*

- *Hành động mày làm rất tội lỗi, làm sao mày có thể ngang ngược làm chuyện xúc phạm như thế được!*

Người con út không những không hối lỗi mà còn dùng lời thô ác mắng lại anh:

- *Hừ! Anh dám xía vô chuyện của tôi, tôi thề chặt đứt chân anh mới hả lòng!*

Người con trưởng không nén được cơn giận mới trả lời:

- *Đồ mất dạy, tao giết mày chết bây giờ!*

Người cha đứng bên cạnh cũng nổi cáu lên mà ôm đầu than:

- Chúng bây hai đứa cãi nhau ồn ào quá, làm tao bực bội nhưc cả cái đầu đây này!

Người con trưởng nói:

- Con sẵn sàng mổ thân con ra làm thuốc chữa cho cha lành bệnh.

Đức Phật nói đến đây, ngừng lại một lúc rồi nói tiếp:

- Ai cũng thế, không nên thốt lời vọng ngữ! Kiếp này tạo khẩu nghiệp, về sau thế nào cũng bị báo ứng. Như đứa con út vừa nói ban nãy, vì niệm ác khởi lên muốn chặt đứt chân anh, quả nhiên về sau đem người đến đốn cây, tức là người anh đầu thai lên làm thân cây. Người con trưởng đòi giết em, quả nhiên sau đó thực hiện lời nói của mình. Còn ông vua bị bệnh đau đầu chính là cha của anh em nhà ấy, nhờ phụng trì trai giới một cách tinh tấn nên sinh ra được mọi người tôn quý, nhưng chỉ vì khi hai đứa con của ông cãi nhau, ông đã từng nói "làm cho tao nhưc đầu quá" nên về sau quả nhiên bị bệnh đau đầu.

Những người này, người nào cũng đã từng thốt lời vọng ngữ bừa bãi nên mỗi người đều chịu quả báo lời nói của mình. Cho nên nói rằng nhân quả báo ứng y như bóng theo hình, không tăng không giảm không sinh không diệt là như vậy.

Đức Phật thuyết xong về vấn đề giữ giới thân khẩu ý xong, ông Ca La Việt đứng bên cạnh Ngài lập tức chứng quả Tu Đà Hoàn. Trong nhà ông có bao nhiêu tài sản, ông đem lên cúng dường hết để truyền bá rộng rãi việc hoằng pháp. Xong ông còn đưa vợ con đi quy y Phật, để họ được bước trên con đường chính giác.



82- VUA NHẤT THIẾT THÍ

Ngày xưa, ở Ấn Độ có một vị quốc vương, tên gọi là Nhất Thiết Thí. Ngài là một ông vua rất mực nhân từ, hành đạo Bồ Tát. Bất kỳ người nào, chỉ cần cầu xin ông điều chi là liền được toại ý nên người dẫu ở xa mấy cũng nghe nói đến tên ông.

Tại một quốc gia lân cận, có một thằng bé con thuộc giòng Bà La Môn, từ bé mất cha, sống với mẹ già và người chị. Không có cha, lại không có tiền nên cuộc sống của ba mẹ con vô cùng khốn khổ.

Một hôm người mẹ gọi con đến bảo rằng:

- Mẹ nghe nói ông vua nước láng giềng là người rất mực nhân từ, ai xin điều chi cũng được ông giúp đỡ, do đó ông có tên là vua Nhất Thiết Thí. Con có thể qua đến đó, xin ông ta tiền cho ba mẹ con mình sinh sống, không biết con có bằng lòng đi hay không?

- Con rất muốn đi qua bên ấy, nhưng ngày giờ này con chưa biết gì cả, không có chút học vấn nào cả, vì vậy con sợ không có khả năng đi xa như vậy. Con muốn ở đây cầu học trước cho có chút hiểu biết, có chút vốn liếng trí thức, thông hiểu chút đỉnh về đời về người rồi hẵng đi.

Người mẹ nghe thế, suy nghĩ một hồi lâu, cân nhắc kỹ càng điều con mình yêu cầu rồi bằng lòng đi mượn tiền người ta để sinh sống trong một năm trong thời gian con đi cầu học.

Thời gian đi vùn vụt, mau như nước chảy, ngoảnh đi ngoảnh lại một năm đã qua rồi mà đứa bé kia chẳng học được chi là bao. Về lại nhà, nó lại xin mẹ kiếm cách khác, nhưng người mẹ lại thôi thúc con nên mau đi gặp vua Nhất Thiết Thí, không nên chần chờ nữa.

Ngày nó lên đường, trong nhà không còn gì hết, bà mẹ lại đi tìm ông chủ nợ năm ngoái để xin mượn thêm tiền, nhưng lần này ông chủ nợ không chịu mà lại đưa ra điều

kiện, bắt người mẹ và người chị phải đến nhà ông làm thuê và làm con tin thì ông mới cho mượn thêm tiền.

Ngay lúc ấy, Nhất Thiết Thí Vương phải đương đầu với một hoàn cảnh vô cùng khó khăn. Vua của một nước láng giềng, vốn tàn bạo bất nhân, lòng tham không đáy, đem một đại đội binh mã đến đánh phá biên giới của vua Nhất Thiết Thí, với ý định thôn tính nước này.

Nghe tin này, vua Nhất Thiết Thí không hề lấy làm ngạc nhiên, cứ thản nhiên như không hề có chuyện chi xảy ra, cũng không hề chuẩn bị bất cứ điều chi để đi ứng chiến.

Nhất Thiết Thí vương nghĩ rằng đời sống con người vốn ngắn ngủi, vinh hoa không có thật, ông dự bị đợi một ngày nào đó sẽ lẳng lặng đem đất nước mình đi bố thí cho cái người đang cần đó.

Các quan đại thần trong triều rất lấy làm ưu sầu, lo lắng trước tình cảnh ấy, lại thấy quân vương cứ làm như thể không có gì xảy ra mà cứ cư xử, làm việc vui vẻ như bình thường, ai nấy ruột gan như lửa đốt, nên đồng lên xin diện kiến với nhà vua để hỏi ngài tại sao không lo việc ứng chiến.

Nhất Thiết Thí vương im lặng không đáp, đợi cho các vị đại thần thưa thỉnh ba lần mới nói lên nỗi khổ tâm của mình:

- Nếu chỉ để giữ gìn quyền lực, danh dự và địa vị của mỗi mình ta, thì ta nghĩ không cần phải đối phó với sự tranh chấp ấy. Ta không muốn con dân của ta phải vì cá nhân ta mà hy sinh một cách vô duyên. Thử nghĩ mà xem, thân một người, chẳng qua mỗi ngày thì ăn một vài chén cơm, mặc thì một hai thước vải, ở thì sáu bảy thước đất là đủ. Người thông minh cần gì phải lao tâm tổn lực vì mấy thứ đồ vật bên ngoài thân như vậy. Ta không muốn chống chọi với kẻ địch vì muốn bảo vệ cho sinh linh toàn quốc. Nếu quốc vương nước láng giềng thật tình muốn đến, ta sẽ hai tay dâng thành trì lên tặng cho ông ta, miễn sao ông ta không làm tổn hại đến sinh mệnh của trăm họ. Bây giờ các ông có tán thành điều ta nghĩ hay không?

Các vị đại thần, ngày thường vốn đã được đức tính nhân từ của quân vương cảm hóa, hôm nay nghe vua nói như thế thì không ai phản đối. Đến nửa đêm hôm ấy, vua Nhất Thiết Thí để lại ấn tín, thay thường phục, không đem theo người tùy tùng nào, cưỡi một con ngựa khoẻ lạng lẽ rời bỏ hoàng cung, đi ra khỏi thành.

Ngày hôm sau, vua nước láng giềng dẫn đầu một đại đội quân lính mau lẹ tiến thẳng vào thành, không hề mất mát một tên binh tên lính nào, cứ thế mà thênh thang tiến vào. Thành trên thành dưới, thành trong thành ngoài, không hề có chút không khí chiến tranh hay chạy loạn.

Dân chúng từng đoàn từng lớp, qua lại nhộn nhịp chuyện trò rộn ràng, họ không hề ngờ rằng ngay lúc ấy, họ đã trở thành những kẻ nô lệ mất nước.

Lòng tham và dục vọng của con người như biển sâu không đáy, không có gì có thể lấp đầy. Vị bạo vương kia đã không tốn chút công lực nào để xâm lăng ngôi thành to lớn, đã có thể tự thấy toại nguyện mãn ý mà hưởng thụ, thì lại không thấy như thế là đủ. Ông còn muốn nhỏ cỏ thì phải nhỏ cho tận gốc để tránh mọi điều phiền phức về sau. Ông bèn treo một giải thưởng to lớn cho ai bắt được vua Nhất Thiết Thí đem về.

Vua Nhất Thiết Thí rời vương cung rồi, cứ nhắm hướng phía ngoại thành hoang dã mà đi. Đi được năm sáu trăm dặm, tới một chỗ nọ thì gặp đứa bé nhà nghèo vâng lời mẹ đi tìm ông mà cầu cứu. Nhưng vua Nhất Thiết Thí không hề biết điều đó nên hỏi đứa bé:

- Em bé, em đi đâu một mình vậy? Sao không có người lớn nào đưa em đi?

- Cháu đi tìm gặp ông vua nhân từ, xin ông ấy giúp đỡ cháu.

Đứa bé đem gia cảnh của mình nhất nhất kể cho nhân vương nghe, nói rằng:

- Hồi cháu còn rất nhỏ, cha cháu đã qua đời rồi, để lại mẹ cháu, chị cháu và cháu là ba người. Mẹ cháu là đàn bà, cha cháu lại không để lại gia sản nào, nên đời sống rất là khốn khó. Gần đây, cũng vì cháu muốn cầu học, mẹ cháu phải mượn người ta hai ngàn đồng. Vì cháu mà mượn tiền nên bây giờ mẹ cháu và chị cháu phải làm con tin ở đợ nhà người ta. Bây giờ cháu muốn đi tìm nhân vương, xin ngài giúp tiền cho cháu để cháu đi chuộc mẹ và chị về.

Vua Nhất Thiết Thí trả lời:

- Em bé ơi, ta chính là vua Nhất Thiết Thí mà em đang muốn tìm đây!

Nghe người đứng trước mặt mình, với một bề ngoài hết sức bình thường mà tự xưng là vua Nhất Thiết Thí, đứa bé hết sức kinh ngạc, không tin sự thật có thể như thế được. Nhân vương do đó mới đem chuyện mình ra nói cho đứa bé nghe, đứa bé nghe xong rất cảm động, nước mắt ràn rụa, bi thương quá không tự chủ được.

Nhân vương khuyên đứa bé không nên quá thương tâm, và hứa sẽ làm cho nó được toại nguyện. Đứa bé hoài nghi, hỏi:

- Đại vương! Hiện tại ngài không còn đất nước, trong thân lại không có một vật gì, ngài tính lấy gì mà giúp cháu đây?

Vua Nhất Thiết Thí坦然 nhiên đáp:

- Ông vua nước láng giềng tuy đã chiếm được đất nước của ta nhưng trong lòng y vẫn chưa thỏa mãn. Vì ta đi lánh nạn chỗ khác, nên bây giờ y đang treo một giải thưởng rất lớn cho ai bắt được ta đem về. Em có thể giết ta và đem thủ cấp của ta về lãnh thưởng, thì lúc ấy không phải là em được toại nguyện sao?

Đứa bé không thể nhẫn tâm làm việc ấy được, nhân vương bèn dạy nó cắt mũi, cắt tai của mình đem về cũng có thể lãnh thưởng, nhưng đứa bé lại nói mình không có lòng dạ nào làm chuyện ấy. Cuối cùng nhân vương nói:

- Em không muốn giết ta, lại không muốn làm cho ta bị thương, thì bây giờ chỉ còn có một cách này mà thôi : em hãy trói ta lại áp giải về, em làm được việc này không?

Đứa bé còn nhỏ chưa biết gì, thấy ý kiến này rất hay, và nghe theo nhân vương thì hành.

Vua Nhất Thiết Thí và đứa con của nhà bà la môn nọ bèn cùng nhau hướng về phía thành mà đi. Ước khoảng hai dặm trước khi đến thành ngoài, nhân vương bảo đứa bé trói ông lại và tiến vào thành trong. Lúc ấy nhân dân, nam nữ già trẻ thấy nhân vương bị người

ta dùng dây trói kéo vào thành thì không một người nào lại không thương tâm mà bật khóc, thậm chí có người quá sầu đau, khóc đến ngã xuống đất bất tỉnh, như thể thấy cha mẹ mình chết trước mắt vậy.

Đến cửa cung điện, có người vào thông báo cho bạo vương. Bạo vương nghe nói kẻ thù bị tróc nã đem về, mừng rỡ bước ra ngoài xem và lập tức ra lệnh đưa vào trong cung. Các đại thần thấy nhân vương trở về, đều phủ phục xuống đất mà khóc lóc thảm thiết. Tình cảnh vô cùng bi thương, chính bạo vương cũng không khỏi bị động tâm, ông bèn hỏi đại thần:

- Các ông làm gì mà khóc lóc thê thảm quá vậy?

- Đại vương, xin ngài tha lỗi cho chúng thần đã thất lễ! Chúng thần thấy nhân vương không những đã bỏ quốc gia vương vị, bây giờ lại đem chính thân mình ra bố thí cho người khác mà chẳng có chút gì là tiếc rẻ ân hận, hành động của ngài quá đổi cao quý, vì thế chúng thần cảm động quá mà khóc!

Bạo vương thấy chư vị đại thần nói như thế, lòng hung hăng bạo ngược từ từ nguôi xuống. Ông bèn hỏi đứa bé con nhà bà la môn tại sao lại trói nhân vương đem về, đứa bé bèn đem chuyện gia đình và việc gặp gỡ nhân vương giữa đường ra sao, rõ ràng rành mạch kể cho bạo vương nghe không sót chi tiết nào.

Bạo vương nghe đứa bé kể đầu đuôi câu chuyện, tâm bị cảm hóa nên vô cùng cảm động, mềm lòng mà nước mắt như nước thủy triều rùng rùng tuông xuống, truyền lệnh cho đại thần cởi trói cho nhân vương, đưa nhân vương tắm gội sạch sẽ xong đem ấn tín trao trả lại, quỳ xuống đất mà tâu lên nhân vương rằng:

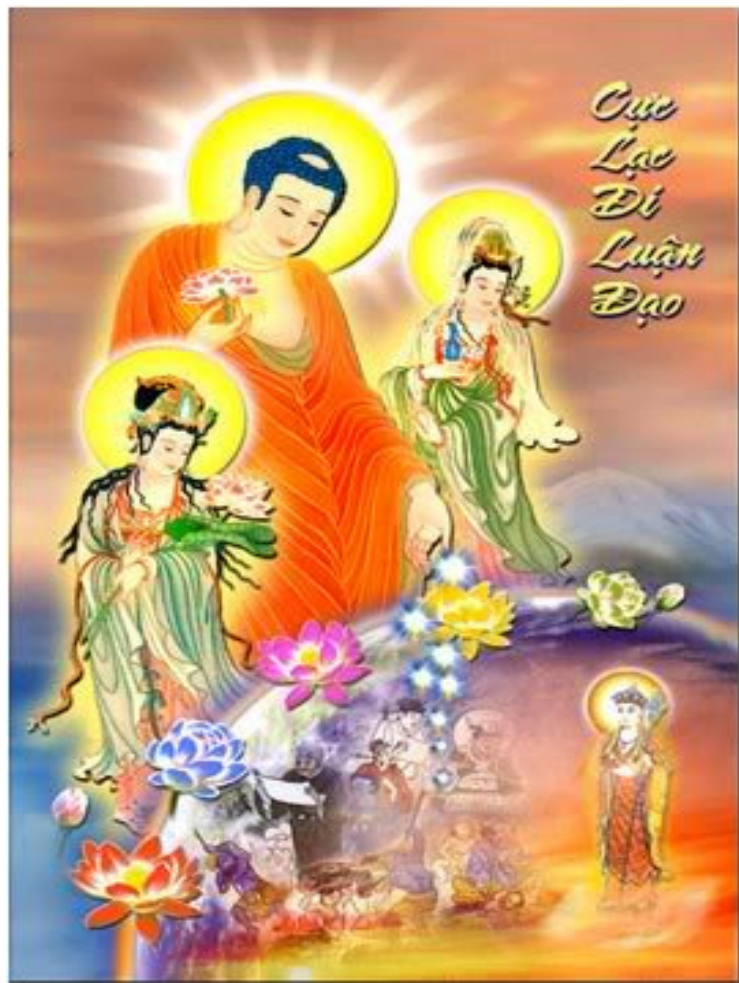
- Thần ở nước của mình đã từ lâu nghe danh tiếng nhân đức thánh thiện của đại vương, nhưng thần không thần phục nên mới nghĩ đến việc thôn tính đất nước của ngài, nào ngờ khi vào được lãnh thổ của ngài, không hề có một người lính nào chuẩn bị phản công. Lúc ấy thần nghĩ đại vương chỉ chạy theo danh thơm tiếng tốt mà thôi, nhưng thật ra ngài không hề có ý đồ ấy. Cho đến ngày hôm nay thần mới chính mắt thấy hành vi đức độ của ngài, cúi xin ngài tha lỗi cho một kẻ tiểu nhân ngu si, và thần xin nguyện từ nay về sau được đại vương chỉ dạy, hướng dẫn, để thần không còn đi theo con đường tội lỗi nữa.

Dùng vũ lực đối địch với người không thể nào hàng phục được người một cách đúng nghĩa, chỉ có đạo đức mới làm cho người ta quy phục một cách chân chính.

Đức Phật nói với đệ tử rằng:

- Vua Nhất Thiết Thí chính là thân quá khứ của ta, bạo vương là tiền thân của Xá Lợi Phất, con của Bà La Môn chính là Đê Bà Đạt Đa vậy. Ta thành tựu được sáu ba la mật, 32 tướng tốt, mười loại Phật lực, viên mãn tất cả mọi công đức, đều là nhờ ơn của Đê Bà. Đê Bà là thiện tri thức của ta, cũng là người bạn tốt của ta.

Gọi tên đệ tử phản bội Đê Bà Đạt Đa là thiện tri thức, là người bạn tốt, quả nhân cách của Đức Phật quá sức cao quý!



83- VUA RỒNG VÀ TIẾNG CHUÔNG CHÙA

Tại đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn có một cái ao lớn, trong đó có rất nhiều rồng. Chúng thường thổi nổi gió to bão lớn, làm ngã đổ cây rừng, gây nguy hại cho dân chúng sống ở dưới chân núi. Vì vậy tiếng than khóc của người dân vang thấu tới trời, kẻ thì dọn đi chỗ khác, người thì chết bỏ xác, thật là thê lương!

Vua Ca Nị Sắc Già biết được chuyện ấy thì vô cùng tức giận. Để giải cứu cho dân, ông bèn cho xây dưới chân núi một bảo tháp cao tới hơn trăm thước và dạy dân tới đó cầu nguyện mưa thuận gió hòa.

Vua rồng trong ao thấy chuyện như thế, nổi giận lôi đình, tạo một trận cuồng phong thổi sập bảo tháp.

Vua Ca Nị Sắc Già thấy bảo tháp bị sụp đổ, lập tức sai người xây lên trở lại. Vua rồng không chịu thua, lại nổi gió bão sân nô lên thổi sập bảo tháp lần nữa, cứ thế là sáu lần tất cả, vua Ca Nị Sắc Già tốn bao nhiêu công lao cực khổ cũng như không!

Nhưng vua Ca Nị Sắc Già là một vị vua anh minh dũng cảm, thông minh sáng suốt, không biết sợ là gì, có một nghị lực bất khuất kiên cường, trong hoàng cung vua đứng ngồi không yên, đêm ngày suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề này. Đột nhiên ông phát nguyện như sau :

- Không làm thì thôi, đã làm thì làm cho tới cùng! Làm đệ tử Phật thì sợ gì mà không hy sinh thân mệnh để cứu khổ cho chúng sinh? Không làm cho vua rồng hàng phục thì ta không ngừng nghỉ!

Vua bèn dẫn đại binh đi lập bằng cái ao rồng trên núi. Thế là đoàn binh mã cuộn cuộn như thủy triều nhắm núi Hy Mã Lạp Sơn mà tiến. Lúc ấy vua rồng mới kinh hoàng, lắc mình một cái, biến thành một ông lão già lòm khòm, tiến đến trước mặt vua Ca Nị Sắc Già chặn đường:

- Đại vương! Ngài không nên đấu với vua rồng, tuyệt đối không nên đấu với vua rồng! Vua rồng tuy chỉ là một loài súc sinh, nhưng sức người không sao chống lại hấn nổi! Nếu thắng được hấn thì đại vương cũng chẳng được thêm uy đức gì, mà trái lại nếu thua hấn thì thật là xấu hổ! Chẳng bằng đại vương rút quân trở về là hơn!

Nhưng ý của vua Ca Nị Sắc Già đã quyết, không có gì lay chuyển được, nên vua cứ kéo quân tiến tới.

Vua rồng giận dữ trở về ao trên núi, tức thời mây đen kéo tới dày đặc, đất đá bay ngहित trời thật là hãi hùng làm cho người ngựa kinh khiếp chạy trốn tứ tán, khiến cho đoàn quân của vua Ca Nị Sắc Già không biết cách nào mà xử.

Trước cảnh hiểm nghèo như thế, vua Ca Nị Sắc Già bèn dẫn đoàn quân chạy đến trước bảo tháp, chí thành cầu nguyện. Tâm thành của họ đã cảm đến chư Phật và Bồ Tát, trong nháy mắt trời quang mây tạnh, sấm chớp tắt ngấm. Lúc ấy vua Ca Nị Sắc Già mới sai binh lính mỗi người ôm một tảng đá to, đem lên núi để lấp bít ao rồng. Khi nghe lệnh vua như thế, vua rồng biết không còn cách kháng cự được, nên lại biến thành ông già như lần trước, tới thỉnh cầu vua:

- Đại vương! Tôi chính là vua rồng hóa thân tới đây xin đầu hàng, cầu xin đại vương tha mạng cho tôi. Tôi biết tính tình hung bạo của tôi khó khắc phục, vì vậy xin đại vương hãy treo trên đỉnh mỗi chùa tháp một cái chuông lớn, nếu thấy mây đen kéo tới trên đỉnh núi thì mau gõ lên tiếng chuông, tôi nghe tiếng chuông sẽ tự giác mà ngừng tâm ác lại!

Vua Ca Nị Sắc Già nghe vua rồng sám hối như thế rất vui mừng, bèn cho xây bên cạnh bảo tháp một ngôi chùa hùng vĩ nguy nga, và treo trên mái chùa một cái chuông thật to, cử người đến trông coi, hễ thấy mây đen tụ tập thì đánh lên cho âm thanh tiếng chuông vang hưởng. Vua rồng nghe tiếng chuông thì tự giác, do đó tội ác được giảm xuống không biết mấy mà kể!

Từ chuyện này mà vua Ca Nị Sắc Già được dân chúng sùng kính vô hạn, nhân đó mà ông cảm hóa được rất nhiều người tin theo Phật giáo.

84- VUA A DỤC HỐI LỖI

Một trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn , vị vua trị vì nước Ân Độ tên là A Dục. Vua A Dục tính tình vô cùng tàn bạo, thích tự tay giết người, và lấy chuyện giết người làm niềm vui.

Ngày nào vua A Dục cũng phải giết người mới vui, ban đầu ông chỉ giết những tội phạm trong tù, về sau số tội nhân không còn bao nhiêu và cuối cùng, không còn ai cho ông giết nữa. Nhưng ông lại quen thói giết người rồi, nên phải quay sang bắt người vô tội đem ra giết. Vua quen giết người nên thấy đó là chuyện thường, nhưng dân chúng thì sợ hãi đến cực độ. Có một vị đại thần thấy thế không chịu đựng được nữa nên đã dâng kiến nghị lên tâu rằng:

- Đại vương, mỗi ngày đại vương lấy việc tự tay giết người làm trò vui, nhưng ảnh hưởng của việc này đối với nhân tâm hiện tại đã không tốt, đối với hậu thế cũng không tốt. Nếu đại vương thích chuyện giết chóc, chúng thần có thể tìm một người hiếu sát làm chuyện ấy thế cho đại vương, để đại vương khỏi bị mang tiếng sát nhân, chẳng hay đại vương thấy thế nào?

A Dục vương thấy giải pháp này rất hay nên chấp thuận, bảo họ đi tìm một người như thế. Các vị đại thần đi tìm khắp nơi một kẻ khát máu về làm đao phủ thủ, nhưng không ai bằng lòng nhận lãnh làm việc này. Về sau, tại một địa phương heo lánh, họ tìm được một người tên là Kỳ Lệ, đây là một người tính tình cực kỳ hung ác bạo ngược, tàn khốc không ai bì kịp.

Người này sinh sống bằng nghề săn thú, chuyên môn dùng tên độc bắn chết thú vật, lại còn thích giết người, nên ai ai cũng xa lánh chẳng dám đến gần. Kỳ Lệ đến thành Hoa Thị là thủ đô của vua A Dục, vua gặp người sắp thay thế mình thì rất hài lòng. Kỳ Lệ xin vua A Dục xây cho mình một tòa nhà thật lớn dùng làm pháp trường, trong đó bày biện đủ các thứ khí cụ để giết người. Trong pháp trường, họ còn đặt ra các phương pháp khác nhau

để tra tấn giết chóc, và quyết định rằng hễ có người đặt chân vào toà nhà này rồi thì không có ngày trở ra, vì thế toà nhà này có tên là "địa ngục nhân gian".

Tại một vùng duyên hải, có một cặp vợ chồng sinh được một đứa con trai, vì họ sống ở ven biển nên đặt tên cho con là Vị Hải.

Về sau nhà này bị giặc cướp tấn công, hai vợ chồng chẳng may mất mạng, chỉ còn lại Vị Hải tuổi còn nhỏ mà đã mất cả cha lẫn mẹ, không biết làm sao mà sống. May quá có một vị tỳ kheo đi ngang chỗ ấy, thấy thế bèn đem Vị Hải về cho xuất gia.

Vị Hải theo sư phụ xuất gia làm sa di, rất ngoan ngoãn tinh tiến tu hành. Một hôm, chú đến thành Hoa Thị khát thực, thấy một toà nhà cao lớn, muốn vào trong đó khát thực hóa duyên, nên mới tiến vào bên trong. Chú không thấy bóng dáng một người nào mà chỉ thấy hai bên bày biện những khí cụ giết người rất ghê rợn, chú lấy làm quái dị, vội vàng tìm đường thôi lui, nhưng bỗng nhiên người giữ cửa tiến tới cản đường:

- Ê Chú sa môn kia! Chú không biết quy luật ở đây sao? Toà nhà này có tên là Địa ngục nhân gian, do Vô Ưu Đại vương(#1) sai chủ nhân của ta là ông Kỳ Lệ về đây trấn thủ. Ai vào đây rồi là không được trở ra nữa!

Lúc ấy Kỳ Lệ nghe có tiếng người cũng bước ra, ngăn không cho Vị Hải tìm đường trốn thoát:

- Số của mi xui xẻo, thôi thì hãy ngoan ngoãn chờ chết đi!

Vị Hải biết rằng lý luận với những kẻ không còn nhân tính này không ích lợi gì, nên nói:

- Tôi không hề sợ chết, nhưng nghĩ mình tu hành chưa chứng được quả, thật là đáng tiếc. Bây giờ tôi chỉ xin các ông kỳ hạn cho tôi một tháng nữa thôi, cho phép tôi gia công tu hành, sau đó tôi sẽ để cho các ông tùy ý xử tử.

- Xin gia hạn ngày chết, mi thật là vọng tưởng! Nhưng thôi được, ta niệm tình mi nhỏ tuổi, nhưng một tháng lâu quá. Ta chỉ gia hạn cho mi bảy ngày nữa thôi!

Vị Hải chỉ còn có bảy ngày nữa để sống, chú bèn lui vào một góc nhà gia công tu hành, hy vọng trong thời hạn bảy ngày ngắn ngủi đó có thể giác ngộ và chứng quả.

Nhưng giác ngộ chứng quả không phải là chuyện dễ dàng, mà thời gian thì cứ thế mà từng ngày từng ngày trôi qua Hôm nay đã qua tới ngày thứ bảy rồi, Vị Hải chỉ còn có ngày hôm nay để sống nữa thôi, ngày mai sẽ phải chịu xử tử hình. Thế mà hiện bây giờ vọng niệm còn rôi bời trong tâm của chú, còn giác ngộ và chứng quả thì chẳng thấy tăm hơi đâu cả!

Chiều tối đến "địa ngục nhân gian" có thêm một người khách, đó là một thiếu nữ bị kết tội không trinh tiết.

Vị Hải nhìn thấy tên Kỳ Lệ lòng lang dạ thú dùng chùy sắt đập vào đầu, vào mặt cô gái, cô gái bị đánh đến lòi cả mắt ra ngoài. Bỗng nhiên chú khởi tâm thương xót, và đối với thế gian thì lại khởi tâm yếm ly muốn xả bỏ. Chú chợt nhớ lại lời dạy của Đức Phật "sắc thân con người do ngũ âm hợp thành, rất mong manh và không có thật". Chú nhìn lại cô thiếu nữ nọ, bị đánh thêm một cái nữa là trong khoảnh khắc hồn lìa khỏi xác.

Thân người thì không có gì chắc chắn, thế gian thì đầy khổ não, nếu không phải là một thánh nhân giải thoát thì không có cách nào tránh khỏi khổ đau. Vị Hải lại nỗ lực quan sát thêm nữa, đêm càng lúc càng đen và tâm của chú thì càng lúc càng sáng lạn. Chú chứng được sơ quả Tu Đà Hoàn, gia công tinh tiến thêm, đắc nhị quả, tam quả và cuối cùng thành tựu được đại quả A La Hán. Lúc đó, bình minh của ngày thứ tám đã bắt đầu lộ dạng.

Kỳ Lệ bước tới trước mặt Vị Hải nói:

- Bảy ngày đã qua rồi, hôm nay đã qua ngày thứ tám, mi hãy chuẩn bị chờ chết.

Vị Hải trả lời rất điềm nhiên:

- Tốt lắm! Tốt lắm! Đêm đen của ta đã qua, ánh sáng của ta đã đến. Ngày tốt đến rồi thì ông cứ việc tùy ý mà xử tử!

Kỳ Lệ ném Vị Hải vào trong một cái nồi bằng đồng, trong lòng nồi đựng đầy nước phân, nước tiểu dơ bẩn, phía dưới thì đốt củi khô Lửa cháy đỏ hừng hực, ánh lửa rục lên

một góc trời. Lửa đốt thật lâu nhưng nước cứ tiếp tục lạnh ngắt, cả cái nồi đồng cũng chẳng nóng lên chút nào. Kỳ Lệ cho châm thêm lửa mà vẫn chẳng thấy nhiệt độ tăng lên, hấn nổi cáu quát tháo người châm lửa là đồ vô dụng, rồi tự tay ném thêm vào lò rất nhiều củi gỗ, và còn thêm than và dầu. Lửa bùng to hơn, nhưng nước trong nồi vẫn không chịu nóng. Hấn đưa mắt nhìn xem Vị Hải đã chết chưa, thì thật là không thể tưởng tượng được! Nước dơ bẩn ô uế kia đã biến thành thanh tịnh từ bao giờ, trên mặt nước còn nổi lên những đóa hoa sen, còn Vị Hải thì ngồi kết già phu trên một đóa sen ngàn cánh.

Bốn phía rực lên ánh sáng rực rỡ, nhưng không phải là một thứ ánh sáng tầm thường, mà là ánh sáng màu hoàng kim làm chói mắt người nhìn. Tên Kỳ Lệ hung ác ấy không biết phải làm gì hơn là đem chuyện này lên tâu với vua A Dục.

Vua A Dục nghe chuyện, thấy đây là một sự kiện kỳ quái nên đem thật nhiều đại thần tùy tùng đến xem thực hư ra sao. Thấy sự thật rồi, vua A Dục bỗng khởi lên một lòng tôn kính hy hữu, quỳ xuống đất xâu hổ mà nói:

- Đại Đức! Xin hãy tha thứ cho bọn chúng con đốt nát, bây giờ được thấy ngài như thế này con rất là xấu hổ! Tất cả những thứ này đều do con gây tội, xin ngài từ bi tha thứ cho chúng con, cứu độ cho tất cả chúng con!

- Tốt lắm! Tốt lắm! Lúc Đức Phật còn tại thế đã thọ ký cho ông rồi! Đức Phật có nói, một trăm năm sau khi Ngài nhập diệt, có một vị vua tên là A Dục sẽ là hộ pháp của Phật giáo, sẽ truyền bá pháp âm và dựng tháp, tạo phúc.

Vua A Dục nghe nói cách đây một trăm năm mà Đức Phật đã biết sẽ có mình rồi, lại càng tăng thêm lòng tin, và xin quy y Phật Pháp Tăng với Vị Hải. Bao nhiêu tâm ý ác độc đã tan biến hết, vua A Dục biết sám hối một cách chân thành nên được cứu độ.

Vị Hải rất vui mừng vì đã làm được một việc công đức cho chúng sinh, vua A Dục cũng rất vui mừng vì đã tìm được chỗ quy y chân chính. Lúc vua A Dục lên tiếng thỉnh Vị Hải về cung với mình thì tên Kỳ Lệ bạo tàn, thấy vua A Dục sửa soạn lui về thành thì vội vàng tiến lên cản đường:

- Đại vương! Chính ngài là người đưa ra quy luật là chỗ này chỉ có thể vào chứ không có thể ra. Bây giờ ngài cũng không được phép đi ra, xin ngài ở lại chịu tội.

Vua A Dục nghe thế giật mình kinh hoàng, nhưng ông tự trấn tĩnh lại ngay, hỏi rằng:

- Mi là người vào đây trước, hay ta là người tới trước?

- Thần là người vào đây trước!

- Nếu mi là người vào đây trước thì mi sẽ bị trị tội trước!

Đám đại thần tùy tùng của vua bèn tóm ngay Kỳ Lê ném vào lửa cho chết cháy, và dỡ tháo, hủy diệt luôn căn nhà "địa ngục nhân gian" ấy.

Từ đó trở đi, vua A Dục dùng chính sách nhân từ trị dân, dựng tháp cúng dường, đưa Phật pháp gieo rắc ở nước ngoài, dân chúng do đó được sống những chuỗi ngày an lạc.

Sám hối là con đường đưa đến sự được cứu độ. Người bằng lòng sám hối là người được sống một cuộc đời mới. Như vua A Dục vốn là một người hung ác, thế mà chịu sám hối sửa lỗi, trong một niệm đã trở thành một người thiện lành.

Sửa lỗi và sám hối thật là một pháp môn đại công đức, đáng tôn quý lắm vậy!

Chú thích:

(#1) một tên khác của vua A Dục.



